



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1201020046	Đinh Thu	An	07/12/2006	KD12A	Nữ	01	499	3,2	01	An	Lẻ
2	000002	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	Nữ	01	500	7,7	1	Anh	chẵn
3	000003	1201020070	Nguyễn Quế	Anh	24/10/2006	KD12A	Nữ	01	501	7,1	1	Anh	Lẻ
4	000004	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	KD12A	Nữ	01	502	6,1	1	Anh	chẵn
5	000005	1201020079	Phạm Hải	Anh	17/11/2006	KD12A	Nữ	01	503	6,8	1	Anh	Lẻ
6	000006	1201031538	Quản Vân	Anh	04/05/2006	KD12A	Nam	01					ĐK
7	000007	1201020085	Trần Diệu	Anh	03/10/2006	KD12A	Nữ	01	504	8,0	1	Dương	Lẻ
8	000008	1201021663	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	10/01/2006	KD12A	Nữ	01	505	8,9	1	Anh	chẵn
9	000009	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	Nữ	01	506	5,7	1	Minh	Lẻ
10	000010	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	Nam	01	507	5,0	1	Đạt	chẵn
11	000011	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	Nữ	01	508	4,6	1	Diệp	Lẻ
12	000012	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	Nam	01	509	1,4	1	Đức	chẵn
13	000013	1201020128	Dương Anh	Dũng	05/08/2006	KD12A	Nam	01	510	2,0-0	1	Dũng	Lẻ 100
14	000014	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	Nữ	01	511	6,4	1	Dương	chẵn
15	000015	1201021484	Đỗ Thị Hương	Giang	12/11/2006	KD12A	Nữ	01	512	3,6	1	Hương	Lẻ
16	000016	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	Nữ	01	513	3,6	1	Hà	chẵn
17	000017	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	Nữ	01	514	1,0	1	Hằng	Lẻ
18	000018	1201021768	Ngô Thị	Hào	28/09/2006	KD12A	Nữ	01	515	2,3	1	Hào	chẵn
19	000019	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	Nữ	01	516	5,1	1	Hiền	Lẻ
20	000020	1201020189	Đặng Thu	Hương	23/05/2004	KD12A	Nữ	01	517	4,0	1	Hương	chẵn
21	000021	1201020204	Lê Thị Trần	Huyền	05/07/2006	KD12A	Nữ	01	518	1,5	1	Huyền	Lẻ
22	000022	1201020212	Nguyễn Thu	Huyền	01/01/2006	KD12A	Nữ	01	519	6,7	1	Huyền	chẵn
23	000023	1201020218	Nguyễn Lê Đăng	Khánh	14/07/2006	KD12A	Nam	01					ĐK
24	000024	1201020222	Thân Tuấn	Kiệt	17/08/2006	KD12A	Nam	01	520	2,8	1	Kiệt	chẵn
25	000025	1201020231	Nguyễn Lê Phương	Lan	16/12/2006	KD12A	Nữ	01	521	1,5=0	1	Lan	Lẻ 100
26	000026	1201021763	Đặng Thị Thùy	Linh	28/09/2006	KD12A	Nữ	01	522	3,4	1	Linh	chẵn
27	000027	1201020646	Đinh Thị Diệu	Linh	16/08/2006	KD12A	Nữ	01	523	3,2	1	Diệu	Lẻ
28	000028	1201020251	Nguyễn Thái Thùy	Linh	05/05/2006	KD12A	Nữ	01					HP, ĐK
29	000029	1201021495	Phạm Phương	Linh	19/07/2006	KD12A	Nữ	01	524	1,8	1	Linh	HP Lẻ
30	000030	1201020267	Trần Hồng	Loan	25/07/2006	KD12A	Nữ	01	525	8,0	1	Loan	chẵn
31	000031	1201020288	Nguyễn Thị Như	Mai	25/11/2006	KD12A	Nữ	01	526	7,7	1	Mai	Lẻ
32	000032	1201020297	Hoàng Thị Trà	My	22/12/2006	KD12A	Nữ	01	527	1,6	1	My	chẵn
33	000033	1201021497	Đoàn Thị Thu	Nga	29/07/2006	KD12A	Nữ	01	528	6,0-081	1	Nga	Lẻ 100
34	000034	1201020311	Lê Thị	Ngân	02/04/2006	KD12A	Nữ	01	529	4,6	1	Ngân	chẵn
35	000035	1201021500	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	05/10/2006	KD12A	Nữ	01	530	2,2	1	Ngọc	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 03

Ngày 5 tháng 4 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Ngọc Mai
Phạm Thị Lý



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000036	1201021000	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/10/2006	KD12A	Nữ	01	783	8,8	1	Ngọc	Chấn
2	000037	1201020333	Khuong Thị Uyên	Nhi	26/08/2006	KD12A	Nữ	01	784	8,7	1	Nhi	lê
3	000038	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	KD12A	Nữ	01	785	mười	1	Danh	Chấn
4	000039	1201021787	Lý Thu	Phuong	14/10/2006	KD12A	Nữ	01	786	1,3	01	Phuong	lê
5	000040	1201020367	Vũ Minh	Quang	25/08/2005	KD12A	Nam	01	787	2,8	01	Quang	chấn
6	000041	1201021506	Hoàng Ngọc	Son	17/04/2004	KD12A	Nam	01					HP,ĐK
7	000042	1201020384	Đàm Thanh	Thảo	02/08/2005	KD12A	Nữ	01	788	6,2	01	Thảo	chấn
8	000043	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD12A	Nữ	01					ĐK
9	000044	1201020395	Trần Thị Thanh	Thảo	04/09/2006	KD12A	Nữ	01	789	6,8	1	Thảo	chấn
10	000045	1201020399	Đỗ Thị	Thu	30/08/2005	KD12A	Nữ	01	790	2,3	1	Thu	lê
11	000046	1201020410	Nguyễn Anh	Thư	21/12/2006	KD12A	Nữ	01	791	7,2	01	Thư	chấn
12	000047	1201020419	Vũ Thị Thu	Thủy	22/07/2006	KD12A	Nữ	01	792	8,0	1	Thủy	lê
13	000048	1201020428	Đinh Quỳnh	Trang	09/10/2006	KD12A	Nữ	01	793	7,2	1	Trang	chấn
14	000049	1201021514	Nguyễn Huyền	Trang	23/12/2006	KD12A	Nữ	01	794	4,7	1	Trang	lê
15	000050	1201020448	Phạm Hà	Trang	11/12/2006	KD12A	Nữ	01	795	8,4	1	Trang	chấn
16	000051	1201021517	Vũ Thị Thu	Trang	19/07/2006	KD12A	Nữ	01					HP,ĐK
17	000052	1201020461	Nguyễn Đăng	Tuấn	26/09/2006	KD12A	Nam	01	796	5,9	01	Tuấn	chấn
18	000053	1201020470	Phạm Hồng	Vân	31/12/2006	KD12A	Nữ	01	797	8,8	01	Vân	lê
19	000054	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	Nữ	01	798	3,6	1	Vui	Chấn
20	000055	1201020487	Dư Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	Nữ	01					ĐK
21	000056	1201020127	Đỗ Tiến	Dũng	19/02/2006	KD12G	Nam	01	799	4,1	1	Dũng	Chấn
22	000057	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	Nam	02	800	3,6	1	Hùng	lê
23	000058	1201020051	Dương Huyền Phương	Anh	30/10/2006	KD12B	Nữ	02	801	7,5	1	Anh	chấn
24	000059	1201020080	Phạm Huyền	Anh	03/07/2005	KD12B	Nữ	02					HP,ĐK
25	000060	1201020089	Trần Thị Ngọc	Anh	30/08/2006	KD12B	Nữ	02	802	5,0	1	Anh	chấn
26	000061	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	KD12B	Nữ	02	803	8,5	1	Anh	lê
27	000062	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	KD12B	Nữ	02	804	9,8	1	Chi	chấn
28	000063	1201020109	Phạm Quỳnh	Chi	19/06/2006	KD12B	Nữ	02	805	3,0	01	Chi	lê
29	000064	1201020110	Tăng Yến	Chi	19/10/2006	KD12B	Nữ	02	806	9,1	01	Chi	chấn
30	000065	1201021817	Nguyễn Trung	Đức	01/07/2006	KD12B	Nam	02	807	3,0	01	Đức	lê
31	000066	1201020126	Trần Thị Phương	Dung	14/03/2006	KD12B	Nữ	02	808	9,7	01	Dung	Chấn
32	000067	1201021800	Nguyễn Đức	Dũng	06/01/2006	KD12B	Nam	02	809	2,5	1	Dũng	lê
33	000068	1201020131	Đỗ Thị Ánh	Dương	19/06/2006	KD12B	Nữ	02	810	7,2	1	Dương	chấn
34	000069	1201021695	Nguyễn Thị Thùy	Dương	08/03/2006	KD12B	Nữ	02	811	6,7	1	Dương	lê
35	000070	1201020142	Lại Hương	Giang	01/01/2006	KD12B	Nữ	02	812	5,7	1	Giang	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi: 30...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 5 tháng 7 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phan Thủy Nga

Hương Thị Duyên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

chẵn/lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000071	1201020151	Nguyễn Thúy	Hà	10/05/2006	KD12B	Nữ	02	1	8,2	01	Hà	Lẻ
2	000072	1201021811	Phạm Thị Thúy	Hằng	02/07/2006	KD12B	Nữ	02	2	6,7	01	Hằng	Chẵn
3	000073	1201021776	Đỗ Thanh	Hiền	25/10/2004	KD12B	Nữ	02	3	Một	01	Hiền	Lẻ
4	000074	1201020177	Lê Thị Quỳnh	Hoa	28/09/2006	KD12B	Nữ	02	4	3,2	01	Lê	Chẵn
5	000075	1201020181	Hoàng Thu	Hoài	04/02/2006	KD12B	Nữ	02	5	5,7	01	Huỳnh	Lẻ
6	000076	1201021774	Hà Hoàng Quỳnh	Hương	28/06/2006	KD12B	Nữ	02					HP, ĐK
7	000077	1201020197	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/11/2006	KD12B	Nữ	02	6	1,2	01	Hương	Lẻ
8	000078	1101020124	Nguyễn Thanh	Huyền	19/08/2005	KD12B	Nữ	02	7	3,5	01	Huyền	Chẵn
9	000079	1201021490	Vũ Khánh	Huyền	18/03/2006	KD12B	Nữ	02	8	2,0	01	Huyền	Lẻ
10	000080	1201020232	Nguyễn Thị	Lan	11/10/2006	KD12B	Nữ	02	9	7,7	01	Lan	Chẵn
11	000081	1201021492	Đào Thị Khánh	Linh	26/10/2006	KD12B	Nữ	02	10	4,9	01	Linh	Lẻ
12	000082	1201020258	Trần Ngọc	Linh	30/06/2006	KD12B	Nữ	02	11	6,3	01	Linh	Chẵn
13	000083	1201020263	Lê Thanh	Loan	24/10/2006	KD12B	Nữ	02	12	8,9	01	Loan	Lẻ
14	000084	1201020268	Nguyễn Thành	Long	22/04/2006	KD12B	Nam	02	13	3,6	01	Long	Chẵn
15	000085	1201020277	Lê Cẩm	Ly	16/01/2006	KD12B	Nữ	02	14	7,9	01	Ly	Lẻ
16	000086	1201020298	Lê Thị Huyền	My	22/07/2006	KD12B	Nữ	02	15	2,0	01	My	Chẵn
17	000087	1201021771	Nguyễn Thị	Nga	20/09/2006	KD12B	Nữ	02	16	7,5	01	Nga	Lẻ
18	000088	1201020308	Khuông Thị	Ngân	02/05/2006	KD12B	Nữ	02	17	6,4	01	Ngân	Chẵn
19	000089	1201020312	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/08/2006	KD12B	Nữ	02	18	9,0	01	Ngân	Lẻ
20	000090	1201020325	Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	Nữ	02	19	8,7	01	Nguyệt	Chẵn
21	000091	1201020335	Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	Nữ	02	20	4,3	01	Nhi	Lẻ
22	000092	1201020338	Tăng Hoàng Yến	Nhi	27/05/2006	KD12B	Nữ	02	21	2,9	01	Nhi	Chẵn
23	000093	1201021773	Hoàng Tuyết	Nhung	08/10/2006	KD12B	Nữ	02	22	2,5	01	Nhung	Lẻ
24	000094	1201020359	Ngô Thị Minh	Phương	19/02/2006	KD12B	Nữ	02	23	1,5	01	Phụng	Chẵn
25	000095	1201020368	Ngô Ngọc	Quỳnh	03/03/2006	KD12B	Nữ	02	24	6,4	01	Quỳnh	Lẻ
26	000096	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	Nữ	02	25	6,4	01	Thảo	Chẵn
27	000097	1201021810	Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	Nữ	02	26	8,2	01	Thảo	Lẻ
28	000098	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	KD12B	Nữ	02	27	4,1	01	Thảo	Chẵn
29	000099	1201020393	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	Nữ	02	28	6,4	01	Thảo	Lẻ
30	000100	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	Nữ	02	29	7,8	01	Thu	Chẵn
31	000101	1101020283	Phạm Thị	Thương	11/03/2005	KD12B	Nữ	02	30	8,1	01	Thương	Lẻ
32	000102	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	Nữ	02	31	5,9	01	Thúy	Chẵn
33	000103	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	Nam	02					ĐK
34	000104	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	Nữ	02	32	5,5	01	Toán	Chẵn
35	000105	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	Nữ	02	33	5,7	01	Trang	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Ngày 01 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Tiến Tài

Nguyễn Thị Tuyết Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000106	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	Nữ	02	705	2,7	1	Trang	chấn
2	000107	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	Nữ	02	706	6,4	1	Trang	lẻ
3	000108	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	Nữ	02	707	4,9	1	Tươi	chấn
4	000109	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	Nữ	02	708	5,2	1	Vi	lẻ
5	000110	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	Nữ	02	709	7,2	1	Vy	chấn
6	000111	1201020489	Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	Nữ	02	710	4,6	1	Yến	lẻ
7	000112	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	Nữ	03	711	5,8	1	Anh	chấn
8	000113	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	Nam	03	712	1,3	1	Anh	lẻ
9	000114	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	Nữ	03	713	4,7	1	Anh	chấn
10	000115	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	Nữ	03	714	8,8	1	Anh	lẻ
11	000116	1201020090	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD12C	Nữ	03					HP, ĐK
12	000117	1201020105	Lê Thị Quỳnh	Chi	18/08/2006	KD12C	Nữ	03	715	4,3	1	Chi	lẻ
13	000118	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	Nữ	03	716	8,7	1	Cúc	chấn
14	000119	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	Nam	03	717	8,5	1	Đạt	
15	000120	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	Nữ	03	718	9,5	1	Diễm	chấn
16	000121	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	Nữ	03	719	7,5	1	Diệu	lẻ
17	000122	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	Nữ	03	720	3,7	1	Dung	HP Đản nộp
18	000123	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD12C	Nữ	03	721	7,7	1	Quỳnh	lẻ
19	000124	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	Nữ	03	722	5,0	1	Thùy	chấn
20	000125	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	Nữ	03	723	8,0	1	Giang	129(B)
21	000126	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	Nữ	03	724	5,3	1	Hà	chấn
22	000127	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	Nữ	03	725	8,8	1	Hằng	lẻ
23	000128	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	Nữ	03	726	4,6	1	Hiền	chấn
24	000129	1201021770	Nguyễn Văn	Hiệu	19/11/2006	KD12C	Nam	03	727	0,8	1	Hiệu	lẻ
25	000130	1201020182	Sái Thị Thu	Hoài	18/11/2006	KD12C	Nữ	03	728	2,5	1	Hoài	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 24...

Tổng số tờ giấy thi: 24...

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đâu Thị Hồng Xiêm

Trần Thị Lương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

chẵn/lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000131	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	Nữ	03	286	8,3	1	Hương	lẻ
2	000132	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	Nữ	03	287	4,6	1	Huyền	chẵn
3	000133	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	Nữ	03	288	2,5	1	Khanh	lẻ
4	000134	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	Nam	03	289	một	1	Khánh	chẵn
5	000135	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	Nữ	03	290	7,8	1	Lam	lẻ
6	000136	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	Nữ	03	291	9,3	1	Lan	chẵn
7	000137	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	Nữ	03	292	4,0	1	Linh	lẻ
8	000138	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	Nữ	03					HP
9	000139	1201020261	Vũ Thị Thùy	Linh	13/10/2006	KD12C	Nữ	03	293	1,3	1	Linh	lẻ
10	000140	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	Nam	03	294	5,5	1	Luân	chẵn
11	000141	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	Nữ	03	295	8,3	1	Nga	lẻ
12	000142	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	Nữ	03	296	5,4	1	Ngân	chẵn
13	000143	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	Nữ	03	297	4,6	1	Ngọc	lẻ
14	000144	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	Nữ	03	298	7,7	1	Ngọc	chẵn
15	000145	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	Nữ	03	299	5,9	1	Nhài	lẻ
16	000146	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	Nữ	03	300	9,5	1	Nhi	chẵn
17	000147	1201021819	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	Nữ	03	301	5,9	1	Nhung	lẻ
18	000148	1201020352	Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	Nữ	03	302	3,4	1	Phương	chẵn
19	000149	1201020362	Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	Nữ	03	303	5,9	1	Phùng	lẻ
20	000150	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	Nữ	03	304	1,9	1	Quỳnh	chẵn
21	000151	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	Nữ	03	305	7,1	1	Tâm	lẻ
22	000152	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	Nữ	03	306	5,0	1	Thảo	chẵn
23	000153	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	Nữ	03	307	3,5	1	Thư	lẻ
24	000154	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	Nữ	03	308	5,0	1	Thùy	chẵn
25	000155	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	Nữ	03	309	7,7	1	Trang	lẻ
26	000156	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	Nữ	03	310	5,8	1	Trang	chẵn
27	000157	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	Nữ	03	311	8,0	1	Trang	lẻ
28	000158	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	Nữ	03	312	6,5	1	Trang	chẵn
29	000159	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	Nam	03	313	4,5	1	Trung	lẻ
30	000160	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	Nữ	03	314	9,1	1	Uyên	chẵn
31	000161	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	Nữ	03	315	8,0	1	Vi	lẻ
32	000162	1201020482	Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	Nữ	03	316	6,7	1	Xuân	chẵn
33	000163	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/07/2006	KD12C	Nữ	03	317	8,6	1	Yến	lẻ
34	000164	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	Nữ	04	318	2,1	1	Anh	chẵn
35	000165	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	Nữ	04	319	6,5	1	Anh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 34.

Tổng số tờ giấy thi: 34.

Tổng số biên bản: 0.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn T. Ngọc Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000166	1201020075	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/10/2006	KD12D	Nữ	04	629	3,9	1	Anh	đầu
2	000167	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	Nữ	04	630	8,4	1	Mp	lẻ
3	000168	1201020091	Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	Nữ	04	631	8,4	1	Anh	chẵn
4	000169	1101020036	Lê Thị Ngọc	Ánh	25/06/2005	KD12D	Nữ	04	632	3,6	1	Anh	lẻ
5	000170	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	Nữ	04	633	3,6	1	Anh	chẵn
6	000171	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	Nữ	04	634	6,9	1	Chi	lẻ
7	000172	1201021477	Phạm Lệ	Diễm	23/06/2006	KD12D	Nữ	04	635	8,1	1	Diễm	chẵn
8	000173	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	Nữ	04	636	8,0	1	Dung	lẻ
9	000174	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	Nữ	04	637	9,5	02	Dương	chẵn
10	000175	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	Nữ	04	638	6,1	1	Giang	lẻ
11	000176	1201020152	Vũ Nguyễn Nguyệt	Hà	02/01/2006	KD12D	Nữ	04					HP,ĐK
12	000177	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	Nữ	04	639	5,7	1	Hân	lẻ
13	000178	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	Nữ	04	640	5,7	1	Hạnh	chẵn
14	000179	1101020958	Trần Thị Thúy	Hiền	29/12/2005	KD12D	Nữ	04	641	4,2	1	Hiền	lẻ
15	000180	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	Nam	04	642	1,7	1	Hình	chẵn
16	000181	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	Nữ	04	643	6,9	1	Hương	lẻ
17	000182	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	Nữ	04	644	3,4	1	Huyền	chẵn
18	000183	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	Nữ	04	645	8,1	01	Khanh	lẻ
19	000184	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	Nam	04	646	2,1	01	Khôi	chẵn
20	000185	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	Nam	04	647	2,0	1	Lâm	lẻ
21	000186	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	Nữ	04	648	8,9	1	Lan	chẵn
22	000187	1201020241	Dư Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	Nữ	04	649	6,4	1	Linh	lẻ
23	000188	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	Nữ	04	650	8,5	2	Linh	chẵn
24	000189	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	Nữ	04	651	3,6	1	Ly	lẻ
25	000190	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	Nữ	04	652	4,3	1	Mẫn	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 24.....

Tổng số tờ giấy thi: 25.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 5 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)
Tôn Thị Huệ

(Signature)
Bùi Thị Thanh Huyền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000191	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	Nữ	04	813	1,3	1	Ninh	Lé
2	000192	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	Nữ	04	814	5,5	1	My	Chấn
3	000193	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	Nữ	04	815	7,0	1	Ngân	Lé
4	000194	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	Nữ	04	816	1,2	1	Ngọc	Chấn
5	000195	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyễn	19/08/2006	KD12D	Nữ	04	817	8,7	1	Thị	Lé
6	000196	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	Nữ	04	818	6,7	1	Nhi	Chấn
7	000197	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	Nữ	04	819	8,5	1	Ánh	Lé
8	000198	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	Nữ	04	820	6,0	1	Ninh	Chấn
9	000199	1201020353	Chích Hoàng	Phương	16/07/2005	KD12D	Nam	04	821	6,7	1	Phương	Lé
10	000200	1201020363	Trần Phan Thanh	Phương	06/12/2006	KD12D	Nữ	04	822	8,6	1	Ph	Chấn
11	000201	1201020371	Nguyễn Như	Quỳnh	10/10/2006	KD12D	Nữ	04					HP,ĐK
12	000202	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	Nam	04	823	3,3	1	Tân	Chấn
13	000203	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	Nữ	04	824	6,9	1	Thảo	Lé
14	000204	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	Nữ	04	825	9,5	1	Thảo	Chấn
15	000205	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	Nữ	04	826	8,8	1	Thủy	Lé
16	000206	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	Nữ	04	827	9,5	1	Trà	Chấn
17	000207	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	Nữ	04	828	10,5	1	Th	Lé
18	000208	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	Nữ	04	829	6,7	1	Trang	Chấn
19	000209	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	Nữ	04	830	6,8	1	Trang	Lé
20	000210	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	Nữ	04	831	8,6	1	Trang	Chấn
21	000211	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	Nữ	04	832	7,3	1	Trang	Lé
22	000212	1201020466	Phạm Thị Hoàng	Uyên	14/04/2006	KD12D	Nữ	04	833	6,9	1	Uyên	Chấn
23	000213	1201020475	Đình Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	Nam	04	834	4,2	1	Vĩ	Lé
24	000214	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	Nữ	04	835	9,5	1	Đ	Chấn
25	000215	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	Nữ	04	836	5,3	1	Yến	Lé
26	000216	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	Nữ	05	837	4,7	1	Anh	Chấn
27	000217	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	Nữ	05	838	5,2	1	Anh	Chấn
28	000218	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	839	5,9	1	Anh	Chấn
29	000219	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	Nữ	05	840	5,5	1	Anh	Lé
30	000220	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	Nữ	05	841	6,0	1	Ánh	Chấn
31	000221	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	Nữ	05	842	2,5	1	Chi	Lé
32	000222	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	Nam	05	843	4,5	1	Cường	Chấn
33	000223	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	Nữ	05					Vắng
34	000224	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	Nữ	05	844	4,6	1	Th	Vắng
35	000225	1201021693	Hà Thị	Dịu	05/12/2006	KD12E	Nữ	05	845	7,2	1	Dịu	Lé

Tổng số sinh viên dự thi: 33...

Tổng số tờ giấy thi: 33....

Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Chấn
Hoàng Thị Mận



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000226	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	Nữ	05	759	1,7	1	15	Chấn
2	000227	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	Nữ	05	760	1,8	1	Đường	Lê
3	000228	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	Nữ	05	761	0,8	1	Hà	Chấn
4	000229	1201021822	Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	Nữ	05	762	5,1	1	Hà	Lê
5	000230	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	Nữ	05	763	Mất	1	15	Chấn
6	000231	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	Nữ	05	764	7,4	1	Hal	Lê
7	000232	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	Nữ	05	765	2,0	1	Hiền	Chấn
8	000233	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	Nữ	05	766	4,9	1	Hoa	Lê
9	000234	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	Nữ	05	767	4,1	1	Hồng	Chấn
10	000235	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	Nữ	05					Vàng
11	000236	1201020200	Nguyễn Khánh	Hường	28/12/2006	KD12E	Nữ	05	768	4,3	1	Huỳnh	Chấn
12	000237	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	Nữ	05	769	3,1	1	Thuyền	Lê
13	000238	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	770	1,2	1	Khánh	Chấn
14	000239	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	Nữ	05	771	9,9	1	Khue	Lê
15	000240	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	Nam	05	772	5,4	1	Em	Chấn
16	000241	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	Nữ	05	773	8,5	1	Ngô	Lê
17	000242	1201020245	Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	Nữ	05	774	4,5	1	linh	Chấn
18	000243	1201020264	Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12E	Nữ	05	775	2,0	1	Loan	Lê
19	000244	1201020272	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	Nữ	05	776	6,6	1	Luyến	Chấn
20	000245	1201020285	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	Nữ	05	777	5,1	1	Mei	Lê
21	000246	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	778	9,8	1	Mai	Chấn
22	000247	1201020293	Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	Nam	05	779	3,2	1	Minh	Lê
23	000248	1201020314	Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	Nữ	05	780	2,7	1	Ngát	Chấn
24	000249	1201020320	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	Nữ	05	781	7,7	1	Ngọc	Lê
25	000250	1201021600	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	Nữ	05	782	2,9	1	Nguyễn	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 24
Tổng số tờ giấy thi: 24
Tổng số biên bản: 0

Ngày 5 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thùy Linh

Phạm Thị Mai Hoàng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000251	1201021813	Đỗ	Trần Yến Nhi	07/06/2006	KD12E	Nữ	05	596	4,8	1	Nhi	le'
2	000252	1201020341	Trương	Thị Yến Nhi	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	597	7,4	1	Nhi	chẵn
3	000253	1201020343	Nguyễn Thị	Huyền Như	03/02/2006	KD12E	Nữ	05					HP,ĐK
4	000254	1201020348	Trần	Thị Ánh Ninh	23/08/2006	KD12E	Nữ	05	598	7,6	1	Ninh	chẵn
5	000255	1201020354	Đặng	Thị Minh Phương	21/12/2006	KD12E	Nữ	05	599	5,3	1	Phương	le'
6	000256	1201021505	Nguyễn	Như Quỳnh	09/01/2006	KD12E	Nữ	05	600	4,6	1	Quỳnh	chẵn
7	000257	1201020379	Đinh	Phương Thanh	13/08/2006	KD12E	Nữ	05	601	7,4	1	Thanh	le'
8	000258	1201020390	Lê	Thị Phương Thảo	23/02/2006	KD12E	Nữ	05	602	5,8	1	Thảo	chẵn
9	000259	1201020404	Lê	Anh Thư	12/11/2006	KD12E	Nữ	05	603	6,3	1	Thư	le'
10	000260	1201020417	Trần	Thu Thủy	19/08/2006	KD12E	Nữ	05	604	8,3	1	Thủy	chẵn
11	000261	1201021670	Đỗ	Thị Trâm	03/07/2006	KD12E	Nữ	05	605	8,8	1	Trâm	le'
12	000262	1201020436	Nguyễn	Quỳnh Trang	25/08/2006	KD12E	Nữ	05	606	6,4	1	Trang	chẵn
13	000263	1201020446	Nguyễn	Thùy Trang	10/01/2005	KD12E	Nữ	05	607	5,0	1	Trang	le'
14	000264	1201020452	Thân	Hiền Trang	08/03/2006	KD12E	Nữ	05	608	6,9	1	Trang	chẵn
15	000265	1201020684	Nguyễn	Thanh Tú	23/10/2006	KD12E	Nữ	05	609	5,6	1	ĐK	le'
16	000266	1201020468	Lê	Thùy Vân	17/09/2006	KD12E	Nữ	05	610	7,2	1	ĐK	chẵn
17	000267	1201020476	Ngô	Lê Hoàng Việt	14/07/2006	KD12E	Nam	05	611	5,0	1	Việt	le'
18	000268	1201020057	Lê	Nhật Anh	14/01/2006	KD12G	Nữ	06	612	3,8	1	ĐK	chẵn
19	000269	1201020069	Nguyễn	Phương Anh	16/11/2006	KD12G	Nữ	06	613	3,6	01	ĐK	le'
20	000270	1201020077	Nguyễn	Thùy Anh	02/07/2006	KD12G	Nữ	06	614	1,3	1	Anh	chẵn
21	000271	1201020084	Phùng	Quỳnh Anh	05/06/2006	KD12G	Nữ	06	615	7,2	1	Anh	le'
22	000272	1201020093	Bùi	Thị Ngọc Ánh	22/04/2006	KD12G	Nữ	06	616	3,6	1	Ánh	chẵn
23	000273	1201020097	Nguyễn Thị	Ngọc Ánh	30/07/2006	KD12G	Nữ	06	617	7,1	1	Ánh	le'
24	000274	1201020108	Nguyễn	Mai Chi	31/05/2006	KD12G	Nữ	06	618	5,3	1	Chi	chẵn
25	000275	1201021823	Dương	Thị Anh Đào	26/09/2004	KD12G	Nữ	06	619	9,8	1	Đào	le'
26	000276	1201020114	Hoàng	Thị Diễm	10/01/2005	KD12G	Nữ	06	620	7,4	1	Diễm	chẵn
27	000277	1201020120	Nguyễn	Thị Dịu	15/12/2006	KD12G	Nữ	06	621	7,0	1	Dịu	le'
28	000278	1201020134	Ngô	Thùy Dương	10/07/2006	KD12G	Nữ	06	622	6,7	1	ĐK	chẵn
29	000279	1201020139	Vũ	Đức Duy	22/10/2003	KD12G	Nam	06	623	5,4	1	Duy	le'
30	000280	1201020153	Vũ	Thị Thu Hà	22/06/2006	KD12G	Nữ	06	624	2,2	1	Hà	chẵn
31	000281	1201020156	Ngô	Thị Thanh Hải	11/09/2006	KD12G	Nữ	06	625	2,5	1	Hải	le'
32	000282	1201020159	Phạm	Thị Thùy Hân	04/07/2006	KD12G	Nữ	06	626	3,6	1	Hân	chẵn
33	000283	1201020167	Ngô	Minh Hạnh	17/02/2006	KD12G	Nữ	06	627	9,8	1	Hạnh	le'
34	000284	1201021801	Đỗ	Thị Thu Hiền	24/08/2006	KD12G	Nữ	06	628	2,7	1	Hiền	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....33

Tổng số tờ giấy thi:.....33

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày ..5.. tháng ..1.. năm ..2025..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Vân

Phạm T. Nụ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000285	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	Nữ	06	449	9,3	1	Hiền	lẻ.
2	000286	1201020186	Trần Thị Hồng	Huế	16/11/2006	KD12G	Nữ	06	451	5,4	1	Huế	Chẵn
3	000287	1201020195	Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	Nữ	06	452	3,5	1	Huy	Lẻ
4	000288	1201020201	Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	Nam	06	453	1,5	1	Huy	Chẵn
5	000289	1201020211	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	Nữ	06	454	3,1	1	Huyền	lẻ
6	000290	1201020217	Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	Nam	06	455	3,5	1	Khánh	chẵn
7	000291	1201021491	Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	Nam	06	456	3,4	1	Kiên	Lẻ
8	000292	1201020230	Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	Nữ	06	457	2,4	01	Lan	Chẵn
9	000293	1201020239	Chu Khánh	Linh	28/12/2006	KD12G	Nữ	06	458	7,2	01	Linh	lẻ
10	000294	1201020249	Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	Nữ	06	459	5,0	01	Hà	Chẵn
11	000295	1201020265	Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	Nữ	06	460	5,5	01	Loan	Lẻ
12	000296	1201020274	Chu Thị Hương	Ly	22/01/2006	KD12G	Nữ	06	450	3,1	01	Ly	Chẵn
13	000297	1201020286	Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	Nữ	06	461	0,5	01	Mai	lẻ
14	000298	1201020295	Nguyễn Tiến	Minh	23/10/2006	KD12G	Nam	06	462	5,5	01	Minh	Chẵn
15	000299	1201020303	Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	Nam	06	463	2,7	1	Nam	lẻ
16	000300	1201020310	Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	Nữ	06	465	2,7	1	Ba	Chẵn
17	000301	1201020315	Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	Nam	06	464	1,8	1	Nghiêm	Lẻ
18	000302	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	Nữ	06	466	3,7	01	Nhi	Chẵn
19	000303	1201020342	Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	Nữ	06	467	9,0	1	Như	Lẻ
20	000304	1201020349	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	Nữ	06	468	7,3	01	Oanh	Chẵn
21	000305	1201020351	Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	Nam	06	469	5,9	01	Phát	Chẵn
22	000306	1201020357	Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	Nữ	06	470	2,3	01	Phương	Chẵn
23	000307	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	Nữ	06	471	6,9	1	Phượng	Lẻ
24	000308	1201020372	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	Nữ	06	472	6,8	1	Quỳnh	Chẵn
25	000309	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	Nữ	06	473	8,0	1	Thảo	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 25....

Tổng số tờ giấy thi: 25....

Tổng số biên bản: 01....

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng T. Hiền

Vu T.T. Dung



421 - 448

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000310	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	Nữ	06					HP,ĐK
2	000311	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	Nữ	06	421	6,8	1	Thảo	lẻ
3	000312	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	Nữ	06	422	5,9	1	Thư	Chẵn
4	000313	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	Nữ	06	423	8,2	1	Thủy	lẻ
5	000314	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	Nữ	06	424	8,0	1	Trâm	chẵn
6	000315	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	Nữ	06	425	8,2	1	Trang	lẻ
7	000316	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	Nữ	06	426	6,2	1	Trang	chẵn
8	000317	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	Nữ	06					HP,ĐK
9	000318	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	Nam	06	427	4,9	1	Trung	Chẵn
10	000319	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	Nam	06	428	6,8	1	Tuấn	lẻ
11	000320	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	Nữ	06	429	6,4	1	Vân	Chẵn
12	000321	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	Nam	06	430	5,6	1	Minh	lẻ
13	000322	1201011772	Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	Nữ	07	431	8,5	1	Anh	Chẵn (85)
14	000323	1201011153	Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	Nữ	07	432	9,8	1	Anh	lẻ
15	000324	1201011154	Đoài Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	Nữ	07	433	5,8	1	P.Anh	Chẵn
16	000325	1201011161	Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	Nam	07	434	5,7	1	Anh	lẻ
17	000326	1201011166	Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	Nữ	07	435	9,2	1	Anh	chẵn
18	000327	1201011173	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	Nữ	07	436	9,8	1	Anh	lẻ
19	000328	1201011677	Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	Nữ	07	437	6,6	1	Anh	lẻ
20	000329	1201011195	Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	Nữ	07	438	5,3	1	Chi	chẵn
21	000330	1201011203	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	Nam	07					ĐK
22	000331	1101010792	Nguyễn Ngọc	Diệp	06/02/2005	TC12A	Nữ	07	439	6,0	1	Diệp	lẻ
23	000332	1201011209	La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	Nữ	07	440	8,1	1	Dung	chẵn
24	000333	1201011218	Trần Thuỳ	Dương	09/05/2006	TC12A	Nữ	07	441	5,0	1	Thuỳ	lẻ
25	000334	1201011219	Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	Nam	07	442	7,4	1	Duy	Chẵn
26	000335	1201011222	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	Nữ	07	443	9,5	1	Duyên	lẻ
27	000336	1201010812	Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	Nam	07	444	9,5	1	Hà	chẵn
28	000337	1201011231	Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	Nữ	07	445	9,8	1	Hà	lẻ
29	000338	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	Nữ	07					ĐK
30	000339	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	Nữ	07	448	Một	1	Hiếu	lẻ
31	000340	1201011257	Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	Nam	07					vắng
32	000341	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	Nữ	07	446	9,8	1	Hoài	lẻ
33	000342	1201011266	Vũ Đức	Hoàng	09/10/2006	TC12A	Nam	07					ĐK
34	000343	1201011588	Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	Nữ	07	447	8,7	1	Huệ	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 28....

Tổng số tờ giấy thi: 28....

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 5 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

[Signature]

[Signature]

Lê Thị Phương Hà

Trịnh Thu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000344	1201011789	Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	Nam	07	677	5,9	1	Phạm	chấn
2	000345	1201011291	Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	Nữ	07	678	8,3	1	Lan	lẻ
3	000346	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	TC12A	Nữ	07	679	5,1	1	Linh	chấn
4	000347	1201011595	Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	Nữ	07	680	8,3	1	linh	lẻ
5	000348	1201011303	Nguyễn Hà	Linh	25/09/2006	TC12A	Nữ	07					HP,ĐK
6	000349	1201011305	Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	Nữ	07	681	8,3	1	linh	lẻ
7	000350	1201011310	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	Nữ	07	682	3,6	1	linh	chấn
8	000351	1201011316	Trịnh Lê Khánh	Linh	16/01/2006	TC12A	Nữ	07					ĐK
9	000352	1201030939	Vũ Khánh	Linh	25/01/2006	TC12A	Nữ	07	683	8,3	1	Phạm	chấn
10	000353	1201011328	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2006	TC12A	Nữ	07	684	9,0	1	Mai	lẻ
11	000354	1201011329	Phạm Ngọc	Mai	27/05/2006	TC12A	Nữ	07	685	6,0	1	Mai	chấn
12	000355	1201011332	Bùi Tiến	Minh	19/12/2006	TC12A	Nam	07	686	8,9	1	Mai	lẻ
13	000356	1201011334	Đinh Nhật	Minh	25/11/2006	TC12A	Nam	07	687	8,2	1	Minh	chấn
14	000357	1201011349	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2006	TC12A	Nữ	07	688	9,2	1	Ngân	lẻ
15	000358	1201030994	Bùi Minh	Ngọc	06/09/2006	TC12A	Nữ	07	689	5,2	1	Ngọc	chấn
16	000359	1201011354	Lưu Minh	Ngọc	17/10/2006	TC12A	Nữ	07	690	8,0	1	Ngọc	lẻ
17	000360	1201011358	Dư Thị Thảo	Nguyễn	17/01/2006	TC12A	Nữ	07	691	9,5	1	Nguyễn	chấn
18	000361	1201011362	Bùi Phan Hà	Nhi	17/03/2006	TC12A	Nữ	07					ĐK
19	000362	1201011367	Đỗ Hồng	Nhung	16/02/2006	TC12A	Nữ	07	692	5,5	1	Nhung	
20	000363	1201011380	Hoàng Lan	Phương	13/08/2006	TC12A	Nữ	07					HP,ĐK
21	000364	1201011382	Nguyễn Nam	Phương	01/10/2006	TC12A	Nam	07	693	5,4	1	Phương	chấn
22	000365	1201011391	Nguyễn Mạnh	Quyền	11/10/2006	TC12A	Nam	07	694	5,5	1		lẻ
23	000366	1201011397	Trần Thái	Son	16/06/2006	TC12A	Nam	07					HP,ĐK
24	000367	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	TC12A	Nữ	07	695	muôn	1	Tâm	lẻ
25	000368	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	TC12A	Nữ	07	696	8,2		Tâm	chấn
26	000369	1201011406	Hà Phương	Thảo	11/12/2004	TC12A	Nữ	07	697	9,8	1	Thảo	lẻ
27	000370	1201011602	Phạm Phương	Thảo	29/09/2006	TC12A	Nữ	07	698	8,0	1	Thảo	chấn
28	000371	1201011413	Mai Tiến	Thọ	25/03/2006	TC12A	Nam	07	699	2,7	1	Thọ	lẻ
29	000372	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	Nữ	07					ĐK
30	000373	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	Nữ	07	700	6,4	1	Thùy	lẻ
31	000374	1201011630	Lưu Quỳnh	Trâm	16/07/2006	TC12A	Nữ	07	701	9,3	1	nam	chấn
32	000375	1201011437	Đỗ Hà	Trinh	04/11/2006	TC12A	Nữ	07	702	4,4	1	Trinh	lẻ
33	000376	1201011440	Hoàng Ngọc	Tú	03/01/2006	TC12A	Nam	07	703	3,3	1	Tú	chấn
34	000377	1201011449	Nguyễn Xuân	Tùng	27/12/2006	TC12A	Nam	07	704	7,4	1	Tùng	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:.....28

Tổng số tờ giấy thi:.....28

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 5 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Kim Doanh

Hoàng Chu Hoàng Giang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000378	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	Nữ	08	34	2,0	1	Hằng	378 Chấn
2	000379	1101010816	Phạm Thị	Hiền	07/01/2005	TC11A	Nữ	08	35	3,4	1	Hiền	le'
3	000380	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	TC12B	Nữ	08	36	8,0	1	Anh	130 Chấn
4	000381	1201011171	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2006	TC12B	Nữ	08	37	5,3	1	Anh	129 le'
5	000382	1201011581	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/07/2006	TC12B	Nữ	08	38	Không	1	Anh	130 Chấn
6	000383	1201011179	Phạm Thị Vân	Anh	09/03/2006	TC12B	Nữ	08	39	0,8	1	Anh	129 le'
7	000384	1201011183	Trần Phương	Anh	06/07/2006	TC12B	Nữ	08	40	2,4	1	Anh	chấn
8	000385	1201011187	Vũ Lan	Anh	26/03/2005	TC12B	Nữ	08	41	2,7	1	Anh	le'
9	000386	1201011192	Phí Thái	Bảo	14/03/2006	TC12B	Nữ	08	42	4,1	1	Bảo	chấn
10	000387	1201011584	Trần Tuấn	Đạt	30/09/2006	TC12B	Nam	08	43	6,2	1	Đạt	le'
11	000388	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	Nam	08	44	3,8	1	Duy	chấn
12	000389	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	Nam	08					HP,ĐK
13	000390	1201011233	Đỗ Ngọc	Hải	20/08/2005	TC12B	Nam	08	45	5,5	1	Hải	chấn
14	000391	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	Nữ	08	46	8,0	1	Hạnh	le'
15	000392	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	Nữ	08	47	8,8	1	Hiền	chấn
16	000393	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	Nam	08	48	3,4	1	Hiếu	le'
17	000394	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	Nữ	08	49	3,7	1	Hoa	chấn
18	000395	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	Nam	08					HP,ĐK
19	000396	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	Nữ	08	50	6,3	1	Hương	chấn
20	000397	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	Nữ	08	51	2,7	1	Huyền	le'
21	000398	1201011285	Lê Thiệu	Khánh	08/10/2006	TC12B	Nam	08					HP,ĐK
22	000399	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	Nữ	08	52	3,9	1	Linh	le'
23	000400	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	Nữ	08	53	8,7	1	Linh	chấn
24	000401	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	Nữ	08	54	4,8	1	Linh	le'
25	000402	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	Nữ	08	55	8,8	1	Linh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 22

Tổng số tờ giấy thi: 22

Tổng số biên bản: 01

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Du Thị Liên

Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000403	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	Nữ	08	563	5,1	01	Linh	
2	000404	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	Nữ	08	564	4,8	01	Linh	
3	000405	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	Nam	08	565	4,4	01	Long	
4	000406	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	Nữ	08	566	8,7	01	Mai	
5	000407	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	Nam	08	567	9,2	01	Minh	
6	000408	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	Nam	08	568	4,3	01	Minh	
7	000409	1201011598	Nguyễn Tân Hoàn	Mỹ	28/09/2006	TC12B	Nữ	08	569	4,0	01	Mỹ	
8	000410	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	Nữ	08	570	5,4	01	Ngọc	
9	000411	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	Nữ	08	571	8,7	01	Ngọc	
10	000412	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyễn	30/01/2006	TC12B	Nữ	08	572	4,8	01	Nguyễn	
11	000413	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	Nữ	08	573	2,0	01	Nhi	
12	000414	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	Nữ	08	574	5,6	01	Nhi	
13	000415	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	Nữ	08	575	2,1	01	Nhung	
14	000416	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	Nam	08	576	4,0	01	Phong	
15	000417	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	Nam	08	577	7,7	01	Phú	
16	000418	1201011381	Nguyễn Linh	Phương	18/04/2006	TC12B	Nữ	08	578	7,9	01	Phương	
17	000419	1201011385	Trần Mai Thu	Phương	21/12/2006	TC12B	Nữ	08	579	1,7	01	Phương	
18	000420	1201011387	Lê Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	Nam	08					ĐK
19	000421	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	Nam	08	580	1,4	01	Quyết	
20	000422	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	Nữ	08	581	6,6	01	Tâm	
21	000423	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	Nam	08	582	7,4	01	Tâm	
22	000424	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	Nữ	08	583	8,2	01	Thanh	
23	000425	1201011060	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	Nữ	08	584	5,3	01	Thảo	
24	000426	1201011411	Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	Nữ	08	585	7,0	01	Thảo	
25	000427	1201011421	Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	Nam	08	586	2,1	01	Thuận	
26	000428	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	Nữ	08	587	9,4	01	Trà	
27	000429	1201011439	Bùi Duy	Trường	19/01/2006	TC12B	Nam	08	588	1,3	01	Trường	
28	000430	1201011442	Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	Nam	08	589	7,6	01	Tú	
29	000431	1201011658	Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	Nữ	08	590	4,5	01	Vy	
30	000432	1201011155	Giang Đức	Anh	25/09/2006	NH12A	Nam	09	592	3,3	1	Đức Anh	
31	000433	1201011156	Hoàng Diệp	Anh	09/01/2006	NH12A	Nữ	09	591	5,6	01	Diệp Anh	
32	000434	1201011158	Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	Nữ	09	593	0,8	01	M. Anh	
33	000435	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	Nữ	09	594	3,6	1	Anh	
34	000436	1201011640	Nguyễn Duy	Anh	12/11/2006	NH12A	Nam	09	595	2,4	01	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 2

Ngày tháng năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Mạnh Hùng
Trần TT. Hòa



255 - 285

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000437	1201011172	Nguyễn Phương	Anh	01/08/2006	NH12A	Nữ	09	255	5,4	1	Anh	le'
2	000438	1201010731	Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	Nữ	09	256	6,5	1	Phạm	chấn
3	000439	1201011186	Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	Nam	09	257	4,8	1	Võ	le'
4	000440	1201011188	Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	Nữ	09	258	1,7	1	Anh	chấn
5	000441	1201011199	Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	Nam	09	259	9,5	1	Đỗ	le'
6	000442	1201011202	Đinh Hoàng	Đạt	16/08/2006	NH12A	Nam	09	260	3,3	1	Đạt	chấn
7	000443	1201011206	Trần Quốc	Đạt	09/07/2006	NH12A	Nam	09	261	4,8	1	Trần	le'
8	000444	1201011211	Lưu Mạnh	Dũng	10/10/2006	NH12A	Nam	09	262	5,1	1	Dũng	chấn
9	000445	1201011221	Phạm Thị Hồng	Duyên	22/08/2006	NH12A	Nữ	09	263	6,7	1	Phạm	le'
10	000446	1201011232	Bùi Hoàng	Hải	07/08/2006	NH12A	Nam	09	264	4,0	1	Hải	chấn
11	000447	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	Nữ	09	265	7,2	1	Hằng	le'
12	000448	1201011252	Nguyễn Vi	Hiệp	26/05/2006	NH12A	Nam	09	266	8,2	1	Hiệp	chấn
13	000449	1201011795	Đinh Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	Nam	09	267	5,0	1	Hùng	le'
14	000450	1201011276	Lê Quang	Huy	26/06/2005	NH12A	Nam	09	268	8,5	1	Huy	chấn
15	000451	1201011279	Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	Nam	09	269	4,7	1	Huy	le'
16	000452	1201011281	Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	Nam	09					HP,ĐK
17	000453	1201011809	Phạm Duy	Khánh	22/03/2006	NH12A	Nam	09	270	7,0	1	Khánh	le'
18	000454	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	Nữ	09	271	7,7	1	Lan	chấn
19	000455	1201011294	Đinh Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	Nữ	09	272	7,4	1	Linh	le'
20	000456	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	Nữ	09	273	6,8	1	Linh	chấn
21	000457	1201011298	Hoàng Thùy	Linh	15/10/2005	NH12A	Nữ	09	274	4,9	1	Linh	le'
22	000458	1201011313	Tạ Khánh	Linh	20/06/2005	NH12A	Nữ	09	275	1,5	1	Linh	chấn
23	000459	1201011318	Vũ Diệu	Linh	30/08/2006	NH12A	Nữ	09	276	6,6	1	Linh	le'
24	000460	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	NH12A	Nam	09	277	8,5	1	Minh	chấn
25	000461	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	Nữ	09					ĐK
26	000462	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	NH12A	Nam	09	278	8,3	1	Nam	chấn
27	000463	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	Nữ	09	279	6,2	1	Ngân	le'
28	000464	1201011357	Đồng Minh	Nguyễn	06/06/2006	NH12A	Nam	09	280	5,9	1	Ngân	chấn
29	000465	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	Nữ	09	281	3,6	1	Danh	le'
30	000466	1201011375	Nguyễn Tuấn	Phúc	27/04/2006	NH12A	Nam	09					ĐK
31	000467	1201011378	Đàm Quỳnh	Phương	15/04/2006	NH12A	Nữ	09	282	8,7	1	Phương	le'
32	000468	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/09/2006	NH12A	Nữ	09	283	7,2	1	Phương	chấn
33	000469	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	Nữ	09	284	6,7	1	Quỳnh	le'
34	000470	1201011395	Nguyễn Hùng	Sơn	16/08/2006	NH12A	Nam	09	285	4,1	1	Sơn	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31...

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày 5... tháng 11 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Khắc Tú Nguyễn Thị Thục



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

Đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000471	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	Nam	09	531	5,6	01	Tông	Lê
2	000472	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	Nữ	09	532	4,5	01	Thư	Chấn
3	000473	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	NH12A	Nữ	09	533	7,1	01	Đa	Lê?
4	000474	1201011631	Phan Anh	Tú	22/10/2006	NH12A	Nam	09	534	3,0	01	Tú	Chấn
5	000475	1201011444	Nguyễn Đắc	Tuấn	01/05/2006	NH12A	Nam	09	535	9,0	01	Tuấn	Lê
6	000476	1201011632	Nguyễn Chí	Uy	25/07/2006	NH12A	Nam	09	536	1,3	01	Uy	Chấn
7	000477	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/03/2006	NH12A	Nữ	09	537	2,7	01	Hải	Lê?
8	000478	1201011676	Hồ Thị Quỳnh	Anh	01/09/2005	NH12B	Nữ	10	538	8,3	01	Quỳnh	Chấn
9	000479	1201011157	Hoàng Kỳ	Anh	13/09/2006	NH12B	Nam	10					HP,ĐK
10	000480	1201011159	Hoàng Tuấn	Anh	25/01/2006	NH12B	Nam	10	539	2,8	01	Anh	Chấn
11	000481	1201011163	Lê Thị Tú	Anh	15/11/2006	NH12B	Nữ	10	540	4,5	01	Anh	Lê
12	000482	1201011169	Nguyễn Lan	Anh	28/08/2006	NH12B	Nữ	10	541	7,2	01	Anh	Chấn
13	000483	1201011181	Phùng Thị Phương	Anh	26/09/2006	NH12B	Nữ	10	542	5,5	01	Anh	Lê?
14	000484	1201011191	Lê Gia	Bảo	22/10/2006	NH12B	Nam	10	543	0,8	01	Bảo	Chấn
15	000485	1201011201	Đoàn Thị	Chinh	20/06/2006	NH12B	Nữ	10	544	9,8	01	Chinh	Lê?
16	000486	1201011583	Nguyễn Tuấn	Đạt	03/04/2006	NH12B	Nam	10	545	0,8	01	Đạt	Chấn
17	000487	1201011207	Trần Tuấn	Đức	27/09/2006	NH12B	Nam	10	546	1,2	01	Đức	Lê
18	000488	1201011223	Nguyễn Trường	Giang	25/09/2006	NH12B	Nam	10					ĐK
19	000489	1201011237	Nguyễn Ngọc	Hân	28/10/2006	NH12B	Nữ	10	547	4,6	01	Hân	Lê
20	000490	1201011248	Vũ Thị Minh	Hiền	14/03/2006	NH12B	Nữ	10	548	8,7	01	Hiền	Chấn
21	000491	1201011253	Hoàng Minh	Hiếu	24/09/2006	NH12B	Nam	10	549	1,7	01	Hiếu	Lê?
22	000492	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	Nam	10	550	2,7	01	Hiếu	Chấn
23	000493	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	Nam	10	551	1,5	01	Huy	Lê?
24	000494	1201011270	Vũ Thị Thu	Huệ	25/05/2006	NH12B	Nữ	10	552	5,5	01	Huệ	Chấn
25	000495	1201011273	Nguyễn Đức	Hưng	18/01/2006	NH12B	Nam	10	553	7,1	01	Hưng	Lê
26	000496	1201011778	Ngô Thị Thúy	Hường	02/11/2006	NH12B	Nữ	10	554	8,8	01	Hường	Chấn
27	000497	1201011278	Nguyễn Quang	Huy	05/01/2006	NH12B	Nam	10	555	1,5	01	Huy	Lê?
28	000498	1201011280	Nông Thái	Huy	20/10/2006	NH12B	Nam	10	556	4,3	01	Huy	Chấn
29	000499	1201011590	Lưu Thị	Huyền	27/07/2005	NH12B	Nữ	10	557	6,4	01	Huyền	Lê?
30	000500	1201011289	Phạm Đăng	Khoa	09/11/2006	NH12B	Nam	10	558	6,9	01	Phạm	Chấn
31	000501	1201011293	Vũ Thành	Liêm	03/01/2006	NH12B	Nam	10	559	3,2	01	Liêm	Lê
32	000502	1201011593	Hồ Thị Diệu	Linh	04/01/2006	NH12B	Nữ	10	560	9,1	01	Linh	Chấn
33	000503	1201011297	Hoàng Khánh	Linh	08/01/2006	NH12B	Nữ	10	561	7,9	01	Khánh	Lê?
34	000504	1201011315	Trần Thị Khánh	Linh	20/12/2006	NH12B	Nữ	10	562	8,7	01	Khánh	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 32...

Tổng số tờ giấy thi: 32.....

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 05... tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Thị Huyền Thanh

Đoàn Văn Dươn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000505	1201011324	Đào Khánh	Ly	30/10/2006	NH12B	Nữ	10	399	1,5	1	ly	Đồ lễ
2	000506	1201011340	Lê Thị Trà	My	15/12/2006	NH12B	Nữ	10	400	2,5	1	My	chấm
3	000507	1201011343	Nguyễn Trà	My	10/01/2006	NH12B	Nữ	10	401	7,4	1	My	lễ
4	000508	1201011345	Trần Hoàng	Nam	19/10/2006	NH12B	Nam	10	402	2,9	1	chấm	chấm
5	000509	1201011353	Đỗ Thị Bích	Ngọc	26/07/2006	NH12B	Nữ	10	403	1,3	1	Ngọc	lễ
6	000510	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	Nam	10	404	1,3	1	Phúc	chấm
7	000511	1201011376	Nguyễn Việt	Phúc	15/02/2005	NH12B	Nam	10	405	3,8	1	Phúc	lễ
8	000512	1201011379	Đào Minh	Phương	13/02/2006	NH12B	Nữ	10	406	2,5	1	Phong	chấm
9	000513	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	Nam	10	407	6,4	1	Quân	lễ
10	000514	1201011394	Giáp Hồng	Sơn	24/07/2006	NH12B	Nam	10	408	6,2	1	Sơn	chấm
11	000515	1201011396	Nguyễn Thế	Sơn	30/12/2005	NH12B	Nam	10	409	5,3	1	Thế	lễ
12	000516	1201011403	Đào Tất	Thắng	20/01/2006	NH12B	Nam	10	410	0,3	1	Thắng	chấm
13	000517	1201011418	Nguyễn Anh	Thư	27/02/2006	NH12B	Nữ	10	411	5,0	1	Thư	lễ
14	000518	1201011434	Nguyễn Thùy	Trang	03/12/2006	NH12B	Nữ	10	412	6,5	1	Thùy	chấm
15	000519	1201011443	Hoàng Anh	Tuấn	04/05/2006	NH12B	Nam	10	—	—	—	—	ĐK
16	000520	1201011447	Trần Bùi	Tuấn	06/06/2006	NH12B	Nam	10	413	5,0	1	Tuấn	Đề chấm
17	000521	1201011456	Nguyễn Văn	Việt	30/06/2005	NH12B	Nam	10	—	—	—	—	—
18	000522	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	NH12B	Nữ	10	415	8,2	1	Yến	Đề chấm
19	000523	1201031781	Doãn Thị Quỳnh	Anh	20/10/2006	QT12A	Nữ	11	418	8,5	1	Anh	Đề lễ
20	000524	1201030703	Hồ Vũ Vân	Anh	31/10/2006	QT12A	Nữ	11	416	6,6	1	Anh	Đề chấm
21	000525	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	Nữ	11	417	8,5	1	Anh	Đề lễ
22	000526	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	Nam	11	—	—	—	—	HP, ĐK
23	000527	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	Nam	11	418	2,5	1	Phú	Đề G
24	000528	1201030730	Phạm Thị Mai	Anh	17/02/2006	QT12A	Nữ	11	419	0,5	1	Phạm	Đề chấm
25	000529	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	Nam	11	420	3,4	1	Bách	Đề lễ

Tổng số sinh viên dự thi: 22

Tổng số tờ giấy thi: 22

Tổng số biên bản: 0

Ngày 5 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Ngọc Anh

Nguyễn Thanh Chy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000530	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	QT12A	Nam	11	653	0,8	1	Bình	chấn
2	000531	1201030760	Vũ Thị Kim	Chi	24/08/2006	QT12A	Nữ	11	654	1,3	1	Chi	lẻ
3	000532	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	Nam	11	655	2,9	1	Cương	chấn
4	000533	1201030774	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2006	QT12A	Nam	11					Văn
5	000534	1201030778	Đỗ Huyền	Diệp	09/04/2006	QT12A	Nữ	11	656	2,1	1	Diệp	chấn
6	000535	1201030785	Nguyễn Tiến	Đức	18/05/2006	QT12A	Nam	11	657	4,9	1	Đức	lẻ
7	000536	1201030794	Lương Chí	Dũng	25/08/2006	QT12A	Nam	11	658	1,0	1	Vũ	chấn
8	000537	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	Nam	11	659	1,3	1	Dương	lẻ
9	000538	1201030804	Nguyễn Đoàn Phong	Duy	19/04/2006	QT12A	Nam	11	660	1,0	1	Duy	chấn
10	000539	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	Nữ	11	661	7,5	1	Duyên	lẻ
11	000540	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	QT12A	Nam	11	662	7,0	1	Hà	chấn
12	000541	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	11/01/2003	QT12A	Nam	11	663	8,3	1	Hải	lẻ
13	000542	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	Nữ	11	664	1,0	1	Hồng	chấn
14	000543	1201031733	Bùi Đăng Minh	Hiền	08/10/2006	QT12A	Nam	11	665	0,8	1	Hiền	lẻ
15	000544	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	Nữ	11	666	2,3	1	Hoa	chấn
16	000545	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	Nữ	11	667	4,4	1	Thu	lẻ
17	000546	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	Nữ	11	668	0,8	1	Hồng	chấn
18	000547	1201030855	Đồng Mạnh	Hùng	12/09/2006	QT12A	Nam	11	669	7,0	1	Hùng	lẻ
19	000548	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	Nữ	11	670	6,0	1	Hường	chấn
20	000549	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	Nam	11	671	2,0	1	Khánh	lẻ
21	000550	1201030887	Trịnh Hoàng Phú	Khánh	18/05/2006	QT12A	Nam	11	672	1,0	1	Khánh	chấn
22	000551	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	Nam	11	673	1,7	1	Khoa	lẻ
23	000552	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	Nam	11	674	6,2	1	Linh	chấn
24	000553	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	Nữ	11	675	8,1	1	Linh	lẻ
25	000554	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	Nữ	11	676	1,3	1	Ph	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: *24*...

Tổng số tờ giấy thi: *24*...

Tổng số biên bản: *2*.....

Ngày *5* tháng *1* năm *2026*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thùy Phạm T. Hương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

Đề (chẵn/lẻ)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000555	1201031767	Dương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	Nam	11	141	1,3	1	Long	Lẻ
2	000556	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	Nữ	11	142	3,0	1	Mai	Chẵn
3	000557	1201030965	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	03/07/2006	QT12A	Nam	11	143	một	1	Minh	Lẻ
4	000558	1201031651	Trần Danh	Minh	08/08/2006	QT12A	Nam	11	144	lũy năm	1	Minh	chẵn
5	000559	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	Nam	11	145	3,0	1	Minh	Lẻ
6	000560	1201030982	Vũ Hải	Nam	13/11/2006	QT12A	Nam	11					HP
7	000561	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	Nữ	11	146	8,8	1	Ngọc	Lẻ
8	000562	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	Nữ	11	147	3,4	1	Như	Chẵn
9	000563	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	QT12A	Nữ	11	148	2,2	1	Phúc	Lẻ
10	000564	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	Nữ	11	149	1,9	1	Phường	chẵn
11	000565	1201031794	Nguyễn Thị Văn	Phương	11/06/2005	QT12A	Nữ	11	150	4,2	1	Phường	Lẻ
12	000566	1201031037	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	03/11/2005	QT12A	Nữ	11	151	2,7	1	Quyên	Chẵn
13	000567	1201031043	Nguyễn Duy	Sang	22/07/2006	QT12A	Nam	11	152	5,0	1	Sang	Lẻ
14	000568	1201031056	Trương Công	Thành	13/01/2001	QT12A	Nam	11	153	7,7	1	Thành	chẵn
15	000569	1201031711	Lê Thị	Thảo	12/01/2006	QT12A	Nữ	11	154	7,8	1	Thảo	Lẻ
16	000570	1201031070	Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	Nữ	11	155	6,4	1	Thoa	chẵn
17	000571	1201031684	Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	QT12A	Nữ	11	156	6,9	1	Thúy	Lẻ
18	000572	1201031098	Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	Nữ	11	157	1,8	1	Trang	Chẵn
19	000573	1201031106	Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	Nữ	11					HP
20	000574	1201031110	Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	Nam	11	158	5,1	1	Triệu	chẵn
21	000575	1201031122	Vũ Anh	Tuấn	25/07/2006	QT12A	Nam	11	159	1,3	1	Tuấn	Lẻ
22	000576	1201031130	Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	QT12A	Nữ	11	160	8,3	1	Uyên	chẵn
23	000577	1201031143	Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	Nam	11	161	6,9	1	Vũ	Lẻ
24	000578	1201030706	Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	Nam	12	162	5,7	1	Anh	chẵn
25	000579	1201030712	Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	Nam	12	163	4,8	1	Anh	Lẻ
26	000580	1201031814	Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	QT12B	Nữ	12	164	8,8	1	Anh	chẵn
27	000581	1201030733	Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	Nữ	12	165	8,3	1	Anh	Lẻ
28	000582	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	Nữ	12	166	8,0	1	Băng	chẵn
29	000583	1201030770	Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	Nam	12	167	5,3	1	Cường	Lẻ
30	000584	1201030782	Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	Nam	12	168	một	1	Đức	chẵn
31	000585	1201030790	Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	Nữ	12	169	6,7	1	Dung	Lẻ
32	000586	1201030800	Nguyễn Khánh	Dương	21/05/2006	QT12B	Nam	12	170	7,9	1	Dương	chẵn
33	000587	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	Nam	12					HP
34	000588	1201030809	Trần Hương	Giang	30/11/2006	QT12B	Nữ	12	171	7,6	1	Giang	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....31

Tổng số tờ giấy thi:.....31

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Minh Tâm

Đỗ Thị Thái



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000589	1201031662	Nguyễn Văn	Hà	07/09/2006	QT12B	Nam	12					ĐK
2	000590	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	Nữ	12	172	8,5	1	Hằng	Chấn
3	000591	1201030832	Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	Nam	12					HP Vàng
4	000592	1201030841	Nguyễn Thị	Hoa	11/07/2006	QT12B	Nữ	12	173	3,1	1	Hoa	Chấn
5	000593	1201030844	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	QT12B	Nữ	12	174	8,3	1	Hoài	lẻ
6	000594	1201030851	Cao Đình	Huân	24/08/2006	QT12B	Nam	12	175	2,4	1	Huân	Chấn
7	000595	1201030852	Nguyễn Thị	Huệ	11/07/2006	QT12B	Nữ	12	176	5,6		Huệ	lẻ
8	000596	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	Nam	12	177	2,2	1	Hùng	chấn (2,2)
9	000597	1201031650	Nguyễn Trung	Hung	18/10/2006	QT12B	Nam	12	178	7,3	1	Hung	lẻ
10	000598	1201030868	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	Nam	12	179	0,8	1	Huy	chấn
11	000599	1201030882	Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	Nam	12	180	3,4	1	Khánh	lẻ
12	000600	1201030889	Vũ Quang Nam	Khánh	24/10/2006	QT12B	Nam	12	181	2,8	1	Khánh	chấn
13	000601	1201031636	Nguyễn Trung	Kiên	29/09/2003	QT12B	Nam	12	182	8,5	1	Kiên	chấn
14	000602	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	Nữ	12	183	6,7	1	Linh	chấn
15	000603	1201030919	Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	Nữ	12	184	4,9	1	Linh	lẻ
16	000604	1201030931	Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	Nữ	12	185	4,6	1	Linh	chấn
17	000605	1201030934	Tô Thị Yến	Linh	25/12/2006	QT12B	Nữ	12	186	5,3	1	Linh	lẻ
18	000606	1201030944	Nhữ Ngọc	Long	26/03/2006	QT12B	Nam	12					ĐK
19	000607	1201030947	Nguyễn Hữu Thành	Luân	28/04/2006	QT12B	Nam	12	187	4,1	1	Luân	lẻ
20	000608	1201030970	Trần Quang	Minh	08/02/2006	QT12B	Nam	12	188	1,04	1	Minh	chấn
21	000609	1201031560	Lê Đặng Trà	My	20/10/2006	QT12B	Nữ	12	189	9,5	1	My	lẻ
22	000610	1201030983	Trịnh Kế	Năng	09/01/2005	QT12B	Nam	12	190	3,7	1	Năng	chấn
23	000611	1201030995	Doãn Thị	Ngọc	10/09/2006	QT12B	Nữ	12	191	6,5	1	Ngọc	lẻ
24	000612	1201031003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/10/2006	QT12B	Nữ	12	192	5,8	1	Nguyệt	chấn
25	000613	1201031012	Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B	Nữ	12	193	8,8	1	Nhung	lẻ
26	000614	1201031038	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21/03/2006	QT12B	Nữ	12	194	7,1	1	Quyên	chấn
27	000615	1201031051	Dương Duy	Thái	01/09/2006	QT12B	Nam	12	195	1,3	1	Thái	lẻ
28	000616	1201031057	Đào Thị Phương	Thảo	28/10/2006	QT12B	Nữ	12	196	4,4	1	Thảo	chấn
29	000617	1201031071	Đặng Kim	Thu	10/10/2006	QT12B	Nữ	12	197	4,0	1	Thu	lẻ
30	000618	1201031574	Đào Thanh	Trà	23/11/2006	QT12B	Nữ	12	198	2,9	1	Trà	chấn
31	000619	1201031099	Nguyễn Thị Hồng	Trang	26/05/2006	QT12B	Nữ	12	199	3,9	1	Trang	lẻ
32	000620	1201031107	Trịnh Thùy	Trang	21/09/2006	QT12B	Nữ	12	200	2,6	1	Trang	chấn
33	000621	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	Nam	12	201	0,5	1	Triệu	lẻ
34	000622	1201031127	Trần Anh	Tuyên	05/05/2006	QT12B	Nam	12	202	4,5	1	Tuyên	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Thắng

Nguyễn Thị Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

Đề thi

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000623	1201031132	Hà Thị Mỹ	Uyên	19/10/2006	QT12B	Nữ	12	84	2,6	1	Uyên	Lẻ
2	000624	1201031150	Lê Ngọc	Yến	31/01/2006	QT12B	Nữ	12	85	5,3	1	Yến	Chẵn
3	000625	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	Nữ	13	86	2,9	1	Anh	Lẻ
4	000626	1201030707	Lê Hồ Tuyết	Anh	20/10/2006	QT12C	Nữ	13	87	4,5	1	Anh	Chẵn
5	000627	1201030713	Nguyễn Bùi Phương	Anh	21/04/2006	QT12C	Nữ	13	88	3,6	1	Anh	Lẻ
6	000628	1201030719	Nguyễn Như Quỳnh	Anh	13/03/2006	QT12C	Nữ	13					ĐK
7	000629	1201030725	Nguyễn Thị Phương	Anh	05/02/2006	QT12C	Nữ	13					HP, ĐK
8	000630	1201030734	Quản Văn	Anh	10/07/2006	QT12C	Nữ	13	89	2,9	1	Anh	Chẵn
9	000631	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	Nữ	13	90	5,6	1	Anh	Lẻ
10	000632	1201031769	Nguyễn Đức	Cảnh	13/03/2006	QT12C	Nam	13					HP, ĐK
11	000633	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	Nam	13	91	7,9	1	Đặng	Lẻ
12	000634	1201030777	Vũ Tiến	Đạt	25/12/2005	QT12C	Nam	13	92	2,9	1	Đạt	Chẵn
13	000635	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	Nam	13	93	1,5	1	Đức	Lẻ
14	000636	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	Nữ	13	94	4,7	1	Dung	Chẵn
15	000637	1201030797	Đinh Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	Nữ	13	95	4,9	1	Dương	Lẻ
16	000638	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	Nam	13	96	0,3	1	Dương	Chẵn
17	000639	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C	Nam	13	97	2,5	1	Duy	Lẻ
18	000640	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	QT12C	Nữ	13	98	9,8	1	Hà	Chẵn
19	000641	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	Nam	13	99	4,3	1	Hải	Lẻ
20	000642	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	Nữ	13	100	3,2	1	Hằng	Chẵn
21	000643	1201030834	Nguyễn Trung	Hiếu	25/07/1999	QT12C	Nam	13	101	4,3	1	Hiếu	Lẻ
22	000644	1201031553	Bê Thị Thu	Hoài	22/04/2006	QT12C	Nữ	13	102	5,5	1	Hoài	Chẵn
23	000645	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	Nam	13					ĐK
24	000646	1201030857	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/11/2006	QT12C	Nam	13	103	1,5	1	Hùng	Chẵn
25	000647	1201030860	Đỗ Duy	Hùng	29/09/2006	QT12C	Nam	13					HP, ĐK
26	000648	1201031660	Nguyễn Văn	Hùng	05/12/2006	QT12C	Nam	13					HP, ĐK
27	000649	1201030873	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	Nữ	13	104	5,4	1	Huyền	Lẻ
28	000650	1201030885	Trần Văn	Khánh	02/09/2006	QT12C	Nữ	13	105	4,0	1	Khánh	Chẵn
29	000651	1201030890	Lý Duy	Khoa	15/09/2006	QT12C	Nam	13	106	1,5	1	Khoa	Lẻ
30	000652	1201030900	Phạm Chi	Lan	12/04/2006	QT12C	Nữ	13	107	2,4	1	Lan	Chẵn
31	000653	1201030904	Đào Khánh	Linh	20/03/2006	QT12C	Nữ	13					HP, ĐK
32	000654	1201030926	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	Nữ	13	108	6,3	1	Linh	Chẵn
33	000655	1201030932	Phan Thị Dương	Linh	16/09/2006	QT12C	Nữ	13	109	6,3	1	Linh	Lẻ
34	000656	1201030946	Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	Nam	13	110	3,1	1	Long	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: ... 27 ...

Tổng số tờ giấy thi: ... 27 ...

Tổng số biên bản: ... 27 ...

Ngày ... 5 ... tháng ... 1 ... năm ... 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thanh Hà Trần Thị Hồng Thái



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026
Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000657	1201030950	Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	Nữ	13	729	3,7	1	ly	le
2	000658	1201030959	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	Nam	13	730	2,0	1	Mạnh	chấn
3	000659	1201021804	Mai Kim Thành	Minh	09/12/2006	QT12C	Nam	13	731	thực hành	1	Minh	le
4	000660	1201030971	Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	Nam	13	732	1,5	1	Minh	chấn
5	000661	1201030974	Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	Nữ	13	733	1,5	1	My	le
6	000662	1201030997	Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	Nam	13	734	5,6	1	Ngọc	chấn
7	000663	1201031007	Phạm Thị Yên	Nhi	03/09/2006	QT12C	Nữ	13	735	8,7	1	Nhi	le
8	000664	1201031035	Vũ Đức	Quân	05/03/2005	QT12C	Nam	13	736	5,1	1	Quân	chấn
9	000665	1201031041	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	Nữ	13	737	3,6	1	Quỳnh	le
10	000666	1201031052	Nguyễn Đình	Thái	27/11/2006	QT12C	Nam	13	738	một	1	Thái	HP chấn
11	000667	1201031058	Đỗ Bích	Thảo	15/11/2006	QT12C	Nữ	13	739	6,1	1	Thảo	le
12	000668	1201031068	Nguyễn Đức	Thọ	17/11/2006	QT12C	Nam	13	740	2,7	1	Thọ	chấn
13	000669	1201031089	Bùi Huyền	Trang	13/09/2006	QT12C	Nữ	13	741	một	1	Trang	le
14	000670	1201031096	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	Nữ	13	742	2,7	1	Trang	chấn
15	000671	1201020438	Nguyễn Quỳnh	Trang	04/12/2006	QT12C	Nữ	13	743	2,0	1	Trang	le
16	000672	1201031101	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	Nữ	13	744	2,2	1	Trang	chấn
17	000673	1201031109	Vũ Thị Huyền	Trang	27/11/2006	QT12C	Nữ	13	745	6,6	1	Trang	le
18	000674	1201031121	Phạm Đức Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	Nam	13	746	4,2	1	Tuấn	chấn
19	000675	1201031129	Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	Nam	13	747	7,9	1	Ước	le
20	000676	1201030695	Đỗ Thành	An	12/12/2006	QM12A	Nam	14	748	thực hành	1	An	chấn
21	000677	1201030705	Hoàng Thị Mai	Anh	16/11/2006	QM12A	Nữ	14					ĐK
22	000678	1201030716	Nguyễn Hà Hoàng	Anh	09/04/2006	QM12A	Nam	14					HP
23	000679	1201031779	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/2006	QM12A	Nữ	14	749	8,8		Anh	le
24	000680	1201030729	Phạm Phương	Anh	09/01/2006	QM12A	Nữ	14	750	3,5		Anh	chấn
25	000681	1201030738	Trần Việt	Anh	20/07/2006	QM12A	Nam	14					HP,ĐK
26	000682	1201030740	Vũ Đặng Châu	Anh	30/04/2005	QM12A	Nữ	14	751	3,0	1	Anh	chấn
27	000683	1201030753	Lý Mạnh	Cao	22/10/2006	QM12A	Nam	14	752	2,0	1	Cao	le
28	000684	1201030756	Nguyễn Minh	Châu	07/02/2006	QM12A	Nữ	14	753	1,6	1	Châu	chấn
29	000685	1201030766	Đoàn Đại	Cương	08/09/2006	QM12A	Nam	14	754	3,2	1	Đoàn	le
30	000686	1201030781	Ngô Minh	Đức	30/07/2006	QM12A	Nam	14					ĐK
31	000687	1201030787	Phạm Văn	Đức	26/09/2006	QM12A	Nam	14	755	6,4	1	Đức	le
32	000688	1201030796	Đặng Thùy	Dương	02/10/2006	QM12A	Nữ	14	756	một	1	Đặng	chấn
33	000689	1201030807	Trương Thị Mỹ	Duyên	10/09/2006	QM12A	Nữ	14	757	thực hành	1	Duyên	le
34	000690	1201031643	Nguyễn Trường	Giang	24/03/2004	QM12A	Nam	14	758	thực hành	1	Giang	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:...30...

Tổng số tờ giấy thi:...30...

Tổng số biên bản:...0...

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu Hà
Phạm Thị Hân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000691	1201030813	Phí Thu	Hà	23/10/2006	QM12A	Nữ	14	203	2,4	1	Hà	Lẻ
2	000692	1201030825	Nguyễn Hữu	Hào	23/11/2006	QM12A	Nam	14	204	Một	1	Hào	chẵn
3	000693	1201030835	Phạm Trần	Hiếu	25/12/2006	QM12A	Nam	14	205	1,3	1	Hiếu	Lẻ
4	000694	1201030845	Phạm Quốc	Hoan	05/06/2006	QM12A	Nam	14	206	2,1	1	Hoan	chẵn
5	000695	1201030859	Đinh Văn	Hung	14/04/2006	QM12A	Nam	14	207	1,5	1	Hung	Lẻ
6	000696	1201030865	Vũ Thị	Hương	17/09/2006	QM12A	Nữ	14	208	2,7	1	Hương	chẵn
7	000697	1201030901	Cao Thị Hồng	Liên	28/07/2006	QM12A	Nữ	14					HP
8	000698	1201030906	Đinh Phương	Linh	31/08/2006	QM12A	Nữ	14	209	7,0	1	Linh	chẵn
9	000699	1201030915	Nguyễn Diệu	Linh	18/08/2006	QM12A	Nữ	14	210	3,0	1	Linh	Lẻ
10	000700	1201030922	Nguyễn Thị	Linh	19/08/2006	QM12A	Nữ	14	211	3,6	1	Linh	chẵn
11	000701	1201030930	Phạm Thị Khánh	Linh	03/12/2006	QM12A	Nữ	14	212	6,0	1	Linh	Lẻ
12	000702	1201031742	Chu Huy	Long	02/06/2006	QM12A	Nam	14	213	1,3	1	Long	chẵn
13	000703	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	Nam	14	214	1,5	1	Long	Lẻ
14	000704	1201030949	Đào Thị Cẩm	Ly	02/10/2006	QM12A	Nữ	14	215	4,4	1	Ly	chẵn
15	000705	1201030953	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	05/08/2006	QM12A	Nữ	14	216	3,9	1	Mai	Đề lẻ
16	000706	1201031649	Đinh Quang	Minh	02/10/1999	QM12A	Nam	14	217	6,4	1	Minh	chẵn
17	000707	1201030968	Phạm Công	Minh	23/07/2006	QM12A	Nam	14	218	1,7	1	Minh	Lẻ
18	000708	1201030975	Nguyễn Thị Trà	My	08/10/2006	QM12A	Nữ	14	219	0,8	1	Trà	chẵn
19	000709	1201030989	Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	Nữ	14	220	2,9	1	Ngân	Lẻ
20	000710	1201031661	Đặng Khánh	Ngọc	24/02/2006	QM12A	Nữ	14	221	0,8	1	Ngọc	chẵn
21	000711	1201031001	Đinh Thị Minh	Nguyệt	22/03/2006	QM12A	Nữ	14	222	4,1	1	Nguyệt	Lẻ
22	000712	1201031015	Trần Kim	Oanh	19/09/2006	QM12A	Nữ	14	223	4,8	1	Oanh	chẵn
23	000713	1201031019	Dương Thị Hà	Phương	12/09/2006	QM12A	Nữ	14	224	1,5	1	Phương	Lẻ
24	000714	1201031026	Phạm Hà	Phương	11/07/2006	QM12A	Nữ	14	225	4,9	1	Phạm Hà	chẵn
25	000715	1201031039	Vũ Thị Lệ	Quyên	02/08/2006	QM12A	Nữ	14	226	6,3	1	Quyên	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 24...
Tổng số tờ giấy thi: 24
Tổng số biên bản: 0

Ngày 05 tháng 1 năm 2006

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Đào Phạm Văn Toàn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Mã đề	Ghi chú
1	000716	1201031605	Trần Hoài	Son	15/09/2006	QM12A	Nam	14	367	0,5	1	Son	130	
2	000717	1201031053	Nguyễn Văn	Thái	05/06/2006	QM12A	Nam	14	368	1,0	1	Thái	129	
3	000718	1201031059	Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2006	QM12A	Nữ	14	369	1,7	1	Thảo	chấn	
4	000719	1201031064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/2006	QM12A	Nữ	14	370	4,8	1	Thảo	lẻ	
5	000720	1201031075	Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	Nữ	14	371	1,9	1	Thu	chấn	
6	000721	1201031078	Đỗ Thị	Thùy	29/10/2006	QM12A	Nữ	14	372	3,8	1	Thùy	lẻ	
7	000722	1201031083	Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	Nữ	14	373	2,4	1	Thùy	chấn	
8	000723	1201031087	Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	Nữ	14	374	1,8	1	Trà	lẻ	
9	000724	1201031093	Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	Nữ	14	375	1,0	1	Trang	chấn	
10	000725	1201031112	Đặng Thị	Trinh	29/01/2006	QM12A	Nữ	14	376	0,8	1	Trinh	lẻ	
11	000726	1201031576	Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	Nữ	14	377	5,0	1	ae	chấn	
12	000727	1201031125	Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	Nam	14	378	2,5	1	Tùng	lẻ	
13	000728	1201031134	Nguyễn Phương	Uyên	12/10/2005	QM12A	Nữ	14						HP,ĐK
14	000729	1201031137	Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	Nam	14	379	2,6	1	Ph	lẻ	
15	000730	1201031816	Lê Quang	Vinh	25/01/2004	QM12A	Nam	14	380	1,3	1	h	chấn	
16	000731	1201030709	Lê Thị Ngọc	Anh	20/09/2006	QM12B	Nữ	15	381	6,0	1	ae	lẻ	
17	000732	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	Nữ	15	382	2,2	1	ae	chấn	
18	000733	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	Nữ	15	383	8,3	1	Anh	lẻ	
19	000734	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	Nam	15	384	0,5	1	ae	chấn	
20	000735	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	Nữ	15	385	2,2	1	ae	lẻ	
21	000736	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	Nữ	15	386	1,5	1	Anh	chấn	
22	000737	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	Nữ	15	387	1,3	1	Châm	lẻ	
23	000738	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	Nữ	15	388	9,0	1	Chiều	chấn	
24	000739	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	Nữ	15	389	8,5	1	Dương	lẻ	
25	000740	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	Nam	15						ĐK
26	000741	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	Nữ	15	390	7,0	1	Giang	lẻ	
27	000742	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	Nữ	15	391	7,9	1	Hà	chấn	
28	000743	1101030537	Lưu Thu	Hà	23/01/2005	QM12B	Nữ	15	392	7,7	1	Hà	lẻ	
29	000744	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	Nữ	15	393	1,5	1	Hào	chấn	
30	000745	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	Nữ	15	394	8,5	1	Hiên	lẻ	
31	000746	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	Nam	15	395	0,8	1	Hiếu	chấn	
32	000747	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	Nam	15	396	1,3	1	Hùng	lẻ	
33	000748	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	Nữ	15	397	1,0	1	Huyền	chấn	
34	000749	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	Nam	15	398	1,5	1	Kiên	lẻ	

Tổng số sinh viên dự thi: *32*....

Tổng số tờ giấy thi: *32*....

Tổng số biên bản: *0*.....

Ngày *05* tháng *01* năm *2026*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2 *1*

Nguyễn Thị Văn Thanh

Đoàn Văn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000750	1201030896	Trần Thanh	Lâm	08/02/2005	QM12B	Nam	15					HP,ĐK
2	000751	1201030905	Đinh Nguyễn Hải	Linh	19/03/2006	QM12B	Nữ	15					HP
3	000752	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	Nữ	15	320	2,3	1	chẵn	Linh
4	000753	1201030916	Nguyễn Hà Khánh	Linh	05/09/2006	QM12B	Nữ	15	321	4,1	1	Lẻ	Linh
5	000754	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	Nữ	15	322	2,2	1	chẵn	Linh
6	000755	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	Nữ	15	323	2,9	1	Lẻ	Linh
7	000756	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	Nữ	15	324	2,9	1	chẵn	Linh
8	000757	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	Nữ	15	325	5,7	1	Lẻ	Phu
9	000758	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	Nam	15	326	4,8	1	Chẵn	long
10	000759	1201030945	Vũ Gia	Long	18/01/2006	QM12B	Nam	15					ĐK
11	000760	1201031642	Lê Tuyết	Mai	10/11/2006	QM12B	Nữ	15	327	4,1	1	Chẵn	Mai
12	000761	1201030964	Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	Nam	15	328	3,4	1	Lẻ	Minh
13	000762	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	Nữ	15	329	4,2	1	Chẵn	Ngoan
14	000763	1201030999	Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	Nữ	15	330	6,3	1	Lẻ	Ngoc
15	000764	1201031766	Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	Nữ	15	331	1,6	1	chẵn	Oanh
16	000765	1201031017	Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	Nam	15	332	3,4	1	Lẻ	Phúc
17	000766	1201031020	Lê Thị Thu	Phuong	29/10/2006	QM12B	Nữ	15	333	0,6	1	chẵn	Phuong
18	000767	1201031027	Đinh Thị	Phuơng	02/09/2006	QM12B	Nữ	15					HP,ĐK
19	000768	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	Nam	15	334	1,6	1	Chẵn	Quang
20	000769	1201030667	Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	Nam	15	335	2,7	1	Lẻ	Sang
21	000770	1201031046	Phạm Thái	Son	21/07/2006	QM12B	Nam	15	336	3,3	1	Chẵn	Son
22	000771	1201031569	Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	Nữ	15	337	3,5	1	Lẻ	Tâm
23	000772	1201031055	Phạm Tiến	Thành	08/09/2006	QM12B	Nam	15					HP,ĐK
24	000773	1201031077	Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	Nữ	15	338	3,5	1	Lẻ	Thuy
25	000774	1201031079	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	Nữ	15	339	2,6		Chẵn	Thuy

Tổng số sinh viên dự thi:.....20

Tổng số tờ giấy thi:.....20

Tổng số biên bản:.....

Ngày ..5.. tháng ..1.. năm ..2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Phương Hạnh

Ngô T. Thu Hoàng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000775	1201031082	Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	Nữ	15	111	2,4	01	Thúy	lẻ
2	000776	1201031085	Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	Nam	15					DK
3	000777	1201031091	Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	Nữ	15	112	9,0	01	Trang	lẻ
4	000778	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	Nữ	15	113	1,3	01	Trang	chẵn
5	000779	1201031575	Nguyễn Việt	Trinh	19/09/2006	QM12B	Nữ	15	114	4,9	01	Trinh	lẻ
6	000780	1201031116	Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	Nữ	15	115	9,4	01	Tú	chẵn
7	000781	1201031753	Bùi Ngọc	Tuyển	06/08/2006	QM12B	Nam	15	116	3,9	01	Tuyển	lẻ
8	000782	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	Nam	16	117	4,6	01	Trung	chẵn
9	000783	1201081639	Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	Nữ	16	118	3,7	01	An	lẻ
10	000784	1201080541	Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	Nam	16					Vắng
11	000785	1201080545	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	Nữ	16	119	2,7	01	Anh	lẻ
12	000786	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	Nữ	16	120	5,0	01	Anh	chẵn
13	000787	1201081526	Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	Nữ	16	121	1,7	01		lẻ
14	000788	1201081793	Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	Nam	16	126	5,0	01	Bách	chẵn
15	000789	1201030765	Đặng Biên	Cương	14/04/2006	TM12A	Nam	16	122	2,9	01	Cương	lẻ
16	000790	1201080550	Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	Nam	16	123	7,2	01	Đức	chẵn
17	000791	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	Nam	16	124	3,1	01	Đức	lẻ
18	000792	1201080552	Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	Nam	16	125	2,5	01	Phạm	chẵn
19	000793	1201081718	Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	Nam	16	127	2,0	01	Thanh	lẻ
20	000794	1201080554	Ngô Hoàng Ánh	Dương	07/01/2006	TM12A	Nữ	16	128	4,3	01	Dương	chẵn
21	000795	1201080555	Phạm Quang	Dương	24/12/2006	TM12A	Nam	16					HP, DK
22	000796	1201080557	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	Nữ	16	129	9,4	01	Duyên	chẵn
23	000797	1201080558	Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	Nữ	16	130	5,2	01	Phạm	lẻ
24	000798	1201080560	Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	Nữ	16	131	3,8	01	Giang	chẵn
25	000799	1201081788	Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	Nữ	16	132	2,5	01	Thu	lẻ
26	000800	1201080565	Lê Thế	Hưng	21/08/2006	TM12A	Nam	16	133	4,7	01	Hưng	chẵn
27	000801	1201080567	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	Nữ	16	134	6,4	01	Lê	lẻ
28	000802	1201080568	Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	Nữ	16	135	5,4	01	Lương	chẵn
29	000803	1201081720	Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	Nữ	16	136	5,3	01	Ngô	lẻ
30	000804	1201080569	Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	Nữ	16	137	6,4	01	Phương	chẵn
31	000805	1201080573	Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	Nam	16	138	5,1	01	Long	lẻ
32	000806	1201081765	Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	Nữ	16	139	6,2	01	Mai	chẵn
33	000807	1201080579	Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	Nữ	16	140	5,5	01	Mai	lẻ
34	000808	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	Nam	16					Vắng

Tổng số sinh viên dự thi:.....30.....

Tổng số tờ giấy thi:.....30.....

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Phi Mai

Bùi T. N. Nhân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000809	1201080581	Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	Nam	16	227	7,8	1	Mạnh	le
2	000810	1201080582	Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	Nữ	16	228	Khổng	1	Minh	Chấn BB
3	000811	1201080583	Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	Nữ	16	229	7,2	1	My	le
4	000812	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	Nữ	16	230	8,4	1	Thu	Chấn
5	000813	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	Nữ	16	231	6,8	1	Ngọc	le
6	000814	1201081664	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	Nữ	16	232	4,0	1	Quỳnh	chấn
7	000815	1201080594	Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	Nữ	16	233	5,6	1	Trang	le
8	000816	1201080595	Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	Nữ	16	234	5,9	1	Oanh	Chấn
9	000817	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	Nam	16	235	3,7	1	Tài	le
10	000818	1201080602	Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	Nữ	16	236	5,1	1	Phương	chấn
11	000819	1201081604	Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	Nữ	16	237	6,8	1	Thanh	le
12	000820	1201080603	Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	Nữ	16	238	4,2	1	Thu	Chấn
13	000821	1201081799	Dương Đình	Thi	14/06/2004	TM12A	Nam	16					HP,ĐK
14	000822	1201080604	Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	Nữ	16	239	6,4	1	Thương	chấn
15	000823	1201080608	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31/05/2006	TM12A	Nữ	16	240	7,3	1	Thúy	le
16	000824	1201081534	Lê Ánh	Thùy	27/02/2006	TM12A	Nữ	16	241	6,0	1	Thùy	Chấn
17	000825	1201080609	Nguyễn Bích	Thủy	04/04/2005	TM12A	Nữ	16	242	2,7	1	Bích	le
18	000826	1201020432	Lê Mai	Trang	14/11/2006	TM12A	Nữ	16	243	3,8	1	Mai	chấn
19	000827	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	Nữ	16	244	3,5	1	Thu	le
20	000828	1201080615	Nguyễn Thị Phương	Uyên	15/12/2006	TM12A	Nữ	16	245	4,7	1	Uyên	chấn
21	000829	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	Nữ	16	246	2,2	1	Yến	le
22	000830	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	Nữ	16	247	2,0	1	Hải	chấn
23	000831	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	Nam	17	248	6,2	1	Hùng	le
24	000832	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	Nam	17	249	6,2	1	Vui	chấn
25	000833	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	Nam	17					ĐK
26	000834	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	Nữ	17	250	7,8	1	Mai	chấn
27	000835	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	Nam	17	251	7,8	1	Thúy	le
28	000836	1001021418	Nguyễn Hồng	Son	15/11/2004	KD10E	Nam	17					ĐK
29	000837	1001020335	Đình Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	Nam	17	252	2,0	1	Vinh	le
30	000838	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	Nam	17	253	4,8	1	Quốc	chấn
31	000839	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	Nữ	17					HP
32	000840	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	Nam	17					HP,ĐK
33	000841	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL11A	Nam	17					ĐK
34	000842	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	Nam	17	254	5,1	1	Minh	HP chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 28
Tổng số tờ giấy thi: 28
Tổng số biên bản: 01

Cán bộ coi thi 1

Trần Thị Lệ

Cán bộ coi thi 2

Đoàn Thị Tươi

Ngày 05 tháng 1 năm 2026

Vàng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000843	1001071172	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	QL10A	Nam	17	474	4,9	01	Tuấn	Đi lễ
2	000844	1201070628	Vũ Tú	Anh	04/01/2006	QL12A	Nữ	17	475	8,0	01	Tú	Chấn
3	000845	1201070631	Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	Nữ	17	476	3,9	01	Chiên	lẻ
4	000846	1201070632	Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	Nam	17	477	4,0	01	Cường	Chấn
5	000847	1201070636	Phạm Thu	Hà	13/06/2006	QL12A	Nữ	17	478	4,6	01	Thu	lẻ
6	000848	1201070644	Trần Thị Phương	Lan	19/02/2006	QL12A	Nữ	17	479	4,3	01	Lan	Chấn
7	000849	1201070647	Lê Thị Mỹ	Linh	10/10/2006	QL12A	Nữ	17	480	2,9	01	Linh	lẻ
8	000850	1201070649	Phạm Công	Linh	17/10/2006	QL12A	Nam	17	481	7,9	01	Linh	Chấn
9	000851	1201070658	Nguyễn Hồng	Nhung	09/07/2006	QL12A	Nữ	17	482	6,8	01	Nhung	lẻ
10	000852	1201070663	Nguyễn Thị	Phương	31/05/2006	QL12A	Nữ	17	483	5,2	01	Phương	Chấn
11	000853	1201070668	Tạ Khắc	Son	05/12/2006	QL12A	Nam	17	484	4,2	01	Son	lẻ
12	000854	1201070671	Hà Phương	Thanh	13/07/2006	QL12A	Nữ	17	485	7,3	01	Thanh	Chấn
13	000855	1201070672	Nguyễn Thu	Thảo	11/10/2006	QL12A	Nữ	17	486	7,5	01	Thảo	lẻ
14	000856	1201070677	Ngô Thị Hương	Trà	28/12/2006	QL12A	Nữ	17	487	5,3	01	Trà	Chấn
15	000857	1201070680	Lê Huyền	Trang	02/02/2006	QL12A	Nữ	17	488	9,0	01	Trang	lẻ
16	000858	1201070682	Đinh Vũ Việt	Trình	01/10/2006	QL12A	Nữ	17	489	8,0	01	Trình	Chấn
17	000859	1201070687	Hoàng Quốc	Việt	03/02/2005	QL12A	Nam	17	490	4,6	01	Việt	lẻ
18	000860	1201070688	Nguyễn Thành	Vinh	02/02/2006	QL12A	Nam	17	491	4,0	01	Vinh	Chấn
19	000861	1201070689	Hồ Thảo	Vy	28/10/2006	QL12A	Nữ	17	492	8,8	01	Vy	lẻ
20	000862	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	Nam	17	493	6,5	01	Long	Chấn
21	000863	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	Nam	18	494	8,2	01	An	lẻ
22	000864	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	Nữ	18	495	9,0	01	Anh	Chấn
23	000865	1201061634	Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	Nữ	18	496	8,5	01	Anh	lẻ
24	000866	1201061522	Trịnh Thị Yến	Chi	11/02/2006	KA12A	Nữ	18	497	5,0	01	Chi	Chấn
25	000867	1201060496	Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	Nam	18	498	2,9	01	Dũng	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: *25*

Tổng số tờ giấy thi: *25*

Tổng số biên bản: *0*

Ngày *5* tháng *1* năm *2026* *gmr*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

gmr
Phạm T. T. Hương

gmr
Đàm Thị Thanh Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000868	1201061523	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	KA12A	Nam	18					HP,ĐK
2	000869	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	Nữ	18	58	1,5	1	Duyên	lẻ
3	000870	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	Nữ	18	52	1,0	1	Giang	chẵn
4	000871	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	Nữ	18	58	9,3	1	Hoa	lẻ
5	000872	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	Nam	18	59	7,7	1	Hoàng	chẵn
6	000873	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	Nam	18	60	9,5	1	Huy	lẻ
7	000874	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	Nam	18	61	0,5	1	Huy	chẵn
8	000875	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	Nữ	18	62	4,6	1	Linh	lẻ
9	000876	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	Nữ	18					ĐK
10	000877	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	Nam	18					HP,ĐK
11	000878	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	Nữ	18	63	2,1	1	Nga	chẵn
12	000879	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	Nữ	18	64	8,5	1	Nga	lẻ
13	000880	1201060518	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	KA12A	Nữ	18	65	8,1	1	Ngọc	chẵn
14	000881	1201060519	Lê Thái	Nguyên	25/10/2006	KA12A	Nam	18	66	4,3	1	Nguyên	lẻ
15	000882	1201060520	Ngô Long	Nhật	27/10/2003	KA12A	Nam	18	67	9,3	1	Nhật	chẵn
16	000883	1201060523	Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	Nữ	18	68	7,3	1	Quỳnh	lẻ
17	000884	1201060524	Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	Nữ	18	69	1,7	1	Tâm	chẵn
18	000885	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	Nữ	18	70	7,2	1	Thảo	lẻ
19	000886	1201060526	Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	KA12A	Nữ	18	71	9,2	1	Thảo	chẵn
20	000887	1201060527	Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	Nữ	18	72	3,9	1	Thư	lẻ
21	000888	1201060529	Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	Nam	18	73	4,3	1	Toàn	chẵn
22	000889	1201060532	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	Nữ	18	74	4,2	1	Trang	lẻ
23	000890	1201060533	Nguyễn Đức	Trung	12/02/2006	KA12A	Nam	18	75	7,5	1	Trung	chẵn
24	000891	1201060534	Vương Tuấn	Tú	04/09/2006	KA12A	Nam	18					ĐK
25	000892	1201060535	Vũ Duy	Vũ	23/06/2006	KA12A	Nam	18	76	9,3	1	Vũ	chẵn
26	000893	1201060537	Vũ Thị Thảo	Vy	16/11/2005	KA12A	Nữ	18					ĐK
27	000894	1201020063	Nguyễn Châu	Anh	06/03/2006	KC12A	Nữ	18	77	5,6	1	Anh	chẵn
28	000895	1201020071	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	Nữ	18	78	2,4	1	Anh	lẻ
29	000896	1201020082	Phạm Trần Hải	Anh	11/11/2006	KC12A	Nữ	18	79	4,1	1	Anh	chẵn
30	000897	1201020099	Vương Thị Ngọc	Ánh	03/12/2006	KC12A	Nữ	18	80	4,5	1	Anh	lẻ
31	000898	1201020121	Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	Nam	18					ĐK
32	000899	1201020122	Bùi Minh	Đức	22/05/2006	KC12A	Nam	18	81	3,9	1	Đức	lẻ
33	000900	1201020124	Lục Hoàng Thùy	Dung	02/07/2006	KC12A	Nữ	18	82	8,4	1	Dung	chẵn
34	000901	1201020129	Trần Trung	Đũng	12/11/2006	KC12A	Nam	18					ĐK
35	000902	1201020259	Trương Ngọc	Linh	25/12/2006	KC12A	Nữ	18	83	3,2	0,1	Linh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 28...

Tổng số tờ giấy thi: 28...

Tổng số biên bản: 2...

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Ngọc Lan

Nguyễn Minh Nhật



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 2025-2026

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000903	1201020282	Bùi Thanh	Mai	27/07/2006	KC12A	Nữ	18	340	6,5	lẻ	Mai	
2	000904	1201020294	Lê Quang	Minh	25/09/2003	KC12A	Nam	18					ĐK Vay
3	000905	1201020376	Nguyễn Mai	Tâm	02/01/2006	KC12A	Nữ	18	341	6,0	lẻ	Tâm	
4	000906	1201021511	Nguyễn Minh	Thu	14/08/2006	KC12A	Nữ	18	342	8,7	chẵn	Thu	
5	000907	1201020472	Nguyễn Huyền	Vi	17/09/2006	KC12A	Nữ	18	343	7,2	lẻ	Vi	
6	000908	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	Nam	19					ĐK Vay
7	000909	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	Nữ	19	344	4,6	lẻ	Anh	
8	000910	1201040009	Vũ Thị Hồng	Ánh	16/06/2006	CT12A	Nữ	19	345	5,2	chẵn	Anh	
9	000911	1201040012	Lê Đăng	Định	01/07/2005	CT12A	Nam	19	346	3,5	lẻ	Định	
10	000912	1201040016	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2006	CT12A	Nam	19	347	2,3	chẵn	Giang	
11	000913	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	Nữ	19	348	7,3	lẻ	Hạnh	
12	000914	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	Nữ	19	349	1,5	chẵn	Huệ	
13	000915	1201040021	Đặng Duy	Hung	07/10/2006	CT12A	Nam	19					Vay
14	000916	1201040022	Bùi Trịnh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	Nam	19	350	2,4	chẵn	Huy	
15	000917	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	Nam	19	351	2,4	lẻ	Huy	
16	000918	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	Nữ	19	352	8,5	chẵn	Huyền	
17	000919	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	Nam	19	353	4,6	lẻ	Khánh	
18	000920	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	Nữ	19	354	3,9	chẵn	Linh	
19	000921	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	Nữ	19	355	6,4	lẻ	Linh	
20	000922	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	Nữ	19	356	6,0	chẵn	Linh	
21	000923	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	Nam	19	357	6,4	lẻ	Long	
22	000924	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	Nam	19	358	6,7	chẵn	Minh	
23	000925	1201040659	Đinh Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	Nam	19	359	4,5	lẻ	Phong	
24	000926	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	Nam	19	360	9,5	chẵn	Tài	
25	000927	1201040037	Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	Nam	19	366	3,3	lẻ	Thành	
26	000928	1201040039	Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	Nữ	19	361	7,9	chẵn	Thư	
27	000929	1201040042	Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	Nữ	19	362	7,4	lẻ	Trang	
28	000930	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	Nam	19	363	5,1	chẵn	Tuấn	
29	000931	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	Nữ	19	364	2,4	lẻ	My	
30	000932	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	Nam	19	365	3,1	chẵn	Duy	
31	000933	1001071171	Vũ Văn	Trường	18/12/2004	QL10A	Nam	19					HP, ĐK Vay

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 28

Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Ngày 5 tháng 12 năm 2026

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Phiếu

Phạm Thị Hương